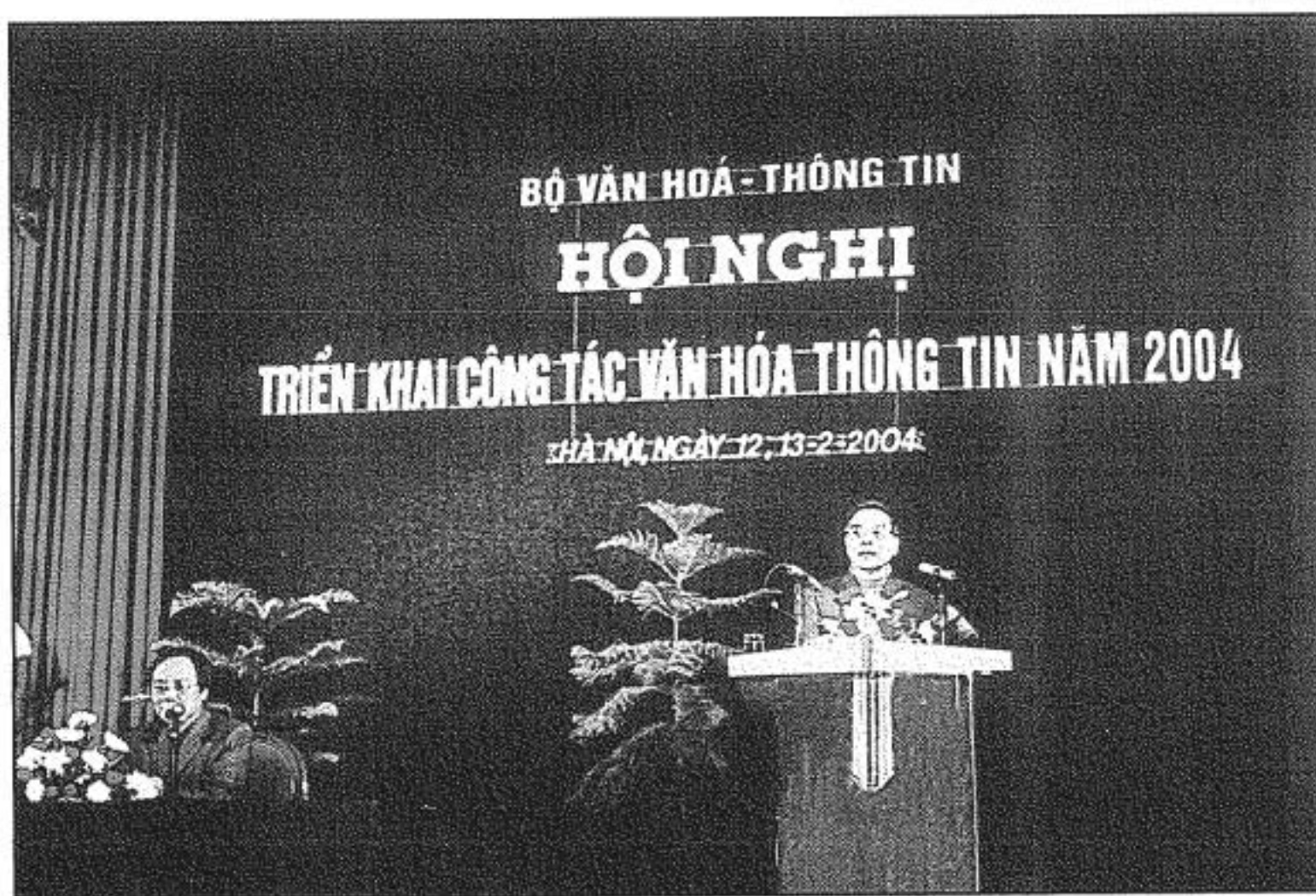


BÀI PHÁT BIỂU CỦA THỦ TƯỚNG

PHAN VĂN KHẢI²

TẠI HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC NĂM 2004
CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

(Hà Nội, ngày 12 tháng 2 năm 2004)



Thủ tướng Phan Văn Khải phát biểu tại hội nghị - Ảnh: Xuân Đông

LTS: Trong hai ngày, 12 và 13 tháng 2 năm 2004, tại Hà Nội, Bộ Văn hoá - Thông tin đã tổ chức Hội nghị Triển khai công tác văn hoá thông tin năm 2004. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Khoa Diễm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương; đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn

hoá - Thông tin, đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tạp chí Di sản văn hoá xin được đăng toàn văn bài phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải và bài phát biểu của Bộ trưởng Phạm Quang Nghị để các đơn vị trong ngành bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nắm vững sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện tốt nhất nhiệm vụ công tác của đơn vị và của toàn ngành trong thời gian tới.

Thưa các đồng chí và các bạn.

Hôm nay, tôi rất phấn khởi được dự Hội nghị triển khai công tác năm 2004 của ngành văn hoá - thông tin. Thay mặt Chính phủ, tôi xin gửi tới các đồng chí đại biểu và toàn thể những người làm công tác văn hoá - thông tin trong cả nước lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng năm mới.

Năm 2003, trong thành tựu chung của đất nước, có phần đóng góp tích cực của ngành văn hoá - thông tin, một bộ phận nòng cốt trong việc làm cho văn hoá ngày càng phát huy vai trò nền tảng, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tôi tán thành bản báo cáo về công tác văn hoá - thông tin năm 2003, phương hướng, nhiệm vụ năm 2004. Tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm: Công tác văn hoá - thông tin trong năm 2003 có sự chuyển biến khá toàn diện cả về quản lý nhà nước và phát triển sự nghiệp. Hoạt động văn hoá - thông tin đã góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các hoạt động văn hoá, nghệ thuật được tổ chức sôi nổi, phong phú, có tác dụng giáo dục thẩm mỹ, phát huy bản sắc dân tộc. Các cơ quan thông tin, báo chí thực hiện tốt hơn chức năng cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và là diễn đàn của nhân dân, phát hiện và biểu dương những nhân tố mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Công tác xây dựng đời sống văn hoá có sự tiến bộ, nổi bật là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Quan hệ hợp tác giao lưu văn hoá và thông tin đối ngoại được mở rộng. Bộ Văn hoá - Thông tin phát huy tốt vai trò tham mưu cho Chính phủ trong công tác quản lý và phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin, đã quan tâm việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về quản lý ngành, đẩy mạnh

Phan Văn Khải - Bài phát biểu tại hội nghị triển khai ...

tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, từng bước cải thiện được môi trường văn hoá.

Thay mặt Chính phủ, tôi nhiệt liệt biểu dương và khen ngợi tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn, năng động sáng tạo và những thành tích của toàn thể cán bộ, nghệ sĩ, công nhân, viên chức ngành văn hoá - thông tin.

Chúng ta vui mừng và tự hào về những thành tựu đã đạt được, đồng thời cũng nhìn rõ những yếu kém để kiên quyết khắc phục. Về yếu kém, tôi thấy nổi lên những vấn đề sau đây:

Thứ nhất là, nhiều nguồn lực trong nước chưa được huy động và sử dụng tốt để phát triển văn hoá, nhất là tiềm năng sáng tạo văn hoá trong nhân dân và tài năng của đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân. Chưa tận dụng được lợi thế của các giá trị văn hoá và vốn giàu có của kho tàng di sản văn hoá dân tộc để góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội phát triển, nhất là du lịch, hàng không, thương mại, thủ công nghiệp... và để chống các tệ nạn xã hội. Chưa phát huy tốt nguồn vốn đầu tư của nhà nước và nguồn vốn được huy động từ nhân dân vào việc xây dựng và tổ chức hoạt động của các công trình văn hoá, thiết chế văn hoá. Tuy có chú ý học tập những thành tựu tiêu biểu về văn hoá nghệ thuật trên thế giới, nhưng những thành tựu về quản lý và hình thức xã hội hoá hoạt động văn hoá của các nước chưa được nghiên cứu, học tập một cách đầy đủ.

Thứ hai là, mặc dù đời sống văn hoá của nhân dân được cải thiện một bước, nhưng mức chênh lệch về hưởng thụ văn hoá của nhân dân giữa các vùng, nhất là giữa thành thị với nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng xa. Nguyên nhân của tình hình này là do nhịp độ đô thị hoá ngày càng nhanh, mặt khác là do thiếu chiến lược và quy hoạch tổng thể đầu tư xây dựng các công trình, các thiết chế văn hoá trên cả nước.

Thứ ba là, chất lượng tác phẩm văn hoá nghệ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu và trình độ ngày càng cao của nhân dân,

chưa có sự chuẩn bị để xây dựng các dự án và kế hoạch khả thi đầu tư cho tác phẩm nghệ thuật, công trình văn hoá có giá trị, xứng tầm thời đại. Chưa chú trọng xây dựng các chính sách về văn hoá thông tin nhằm phát huy khả năng cống hiến của lực lượng cán bộ chuyên môn ở trong và ngoài ngành. Trong hàng ngũ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương thuộc ngành văn hoá - thông tin, vẫn còn tư tưởng bao cấp, ỷ lại Nhà nước, đã hạn chế đến việc huy động nguồn lực xã hội đóng góp cho sự nghiệp văn hoá - thông tin.

Thứ tư là, tình trạng lai căng, sùng ngoại, coi thường giá trị văn hoá và thuần phong mỹ tục của dân tộc trong một bộ phận xã hội hiện nay là không thể xem thường. Hiện tượng suy thoái về đạo đức, lối sống: tham nhũng, buôn lậu, coi thường pháp luật, cá nhân, vị kỷ, lừa dối, ăn chơi xa hoa, lãng phí trong một bộ phận xã hội, trong đó có cán bộ, đảng viên, kể cả những người có chức, có quyền, chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu.

Thứ năm là, việc cưới, việc tang, việc tổ chức lễ hội còn nhiều biểu hiện tiêu cực. Việc cưới chuyển biến chậm hơn việc tang và lễ hội; ở đô thị chậm tiến bộ hơn ở nông thôn; cán bộ, đảng viên chậm chuyển biến hơn quần chúng. Tình trạng tảo hôn, cưới chui, cưới không đăng ký kết hôn, phô trương, háms lợi còn khá phổ biến. Việc tang một số nơi còn kéo dài nhiều ngày, phúng viếng quá nhiều vòng hoa; hiện tượng xây cất mồ mã, lăng, bia tốn kém diễn ra ở nhiều nơi. Trong lễ hội còn tình trạng đấu thầu thu khoán, cờ bạc trá hình, mê tín dị đoan. Hiện tượng mở tiệc mừng thọ, động thổ, tân gia tốn kém diễn ra ở không ít địa phương.

Thứ sáu là, hiện tượng tiêu cực trong hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá chưa được khắc phục có hiệu quả. Tình trạng vi phạm Luật Báo chí, Luật Bản quyền, Luật Xuất bản, Pháp lệnh Quảng cáo, xâm phạm di tích, trộm cắp cổ vật, thiếu lành mạnh trong biểu diễn nghệ thuật, in lậu, in sao băng đĩa lậu, truyền bá văn hoá phẩm độc hại, hoạt động không lành mạnh trong các loại hình karaoke, vũ trường, quán bar,

Internet công cộng... và tệ nạn ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan tiếp tục gia tăng, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội.

Để thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra, trước mắt là hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005), năm 2004 và năm tới, toàn Đảng, toàn dân ta phải nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương (khoá IX) đã khẳng định *"Đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004 - 2005 mỗi năm đạt trên 8%... Phát triển văn hoá, xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế; tập trung giải quyết tốt hơn nữa một số vấn đề xã hội bức xúc, như tạo nhiều việc làm, tiếp tục xoá đói, giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hoá".*

Với nhiệm vụ nói trên, toàn thể cán bộ, nghệ sĩ, công nhân, viên chức ngành văn hoá - thông tin phải có quyết tâm phấn đấu cao, đoàn kết giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ; công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ phải thực sự đổi mới hơn. Tôi xin nhấn mạnh mấy điểm sau đây:

Một là, tập trung thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp chủ yếu về văn hoá - thông tin được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX: "Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hoá, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, vừa phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, vừa hấp thụ tinh hoa của văn hoá thế giới. Tăng cường quản lý và đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc. Có cơ chế khuyến khích lối sống văn hoá lành mạnh, văn minh và tạo dư luận mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức, trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chú trọng công tác quy hoạch phát triển và tăng cường

lãnh đạo, quản lý đối với các lĩnh vực thông tin báo chí".

Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh rằng Nghị quyết Trung ương đã coi là quan trọng nhất và đã đặt lên trước nhất việc phát triển những giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam, tức là phát huy những nét văn hoá tốt đẹp đang nảy nở ngày càng nhiều trên đất nước ta. Đó là điểm cơ bản hơn cả, quyết định hơn cả để đẩy lùi và khắc phục các biểu hiện của lối sống không lành mạnh và sự suy thoái đạo đức.

Hai là, phát triển văn hoá phải đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xoá bỏ các tệ nạn xã hội. Việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án của ngành văn hoá - thông tin phải chú trọng đến các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Văn hoá - Thông tin cần tăng cường phối hợp và đóng góp những ý tưởng về văn hoá với vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong các đề án, dự án của các Bộ, các địa phương. Đồng thời phải chú ý xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa mở rộng giao lưu quốc tế với bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc để thúc đẩy văn hoá phát triển, tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Phải đầu tư và có cơ chế kích thích để sản phẩm văn hoá của nước ta có doanh số lớn và có sức cạnh tranh với các nước, mở ra khả năng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhiều người, hỗ trợ các ngành du lịch, thương mại... phát triển.

Ba là, quan tâm giáo dục, rèn luyện, xây dựng con người về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, tri thức khoa học, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá - thông tin, nhất là các tài năng trẻ, làm lực lượng nòng cốt của ngành văn hoá - thông tin.

Bốn là, quan tâm thực sự và giúp đỡ thiết thực các văn nghệ sĩ. Chú trọng chăm lo đời sống của các văn nghệ sĩ, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết cho các văn nghệ sĩ trong việc sáng tác, thể nghiệm tác phẩm, có được nhiều tác phẩm văn hoá nghệ thuật có chất lượng

cao. Bồi dưỡng về bản lĩnh chính trị, định hướng sáng tác và nâng cao trách nhiệm của người nghệ sĩ. Đấu tranh chống biểu hiện tự do cá nhân, mơ hồ về chính trị, thiếu trách nhiệm với dân, với nước.

Năm là, đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, tăng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kết hợp với đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động văn hoá, nhằm huy động các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng các thiết chế văn hoá, tổ chức các sinh hoạt văn hoá ở cơ sở, đặc biệt chú trọng các vùng sâu, vùng xa, các khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ; nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hoá, làng, ấp, khu phố, cơ quan văn hoá.

Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể, nhất là sự phối hợp giữa ngành văn hoá - thông tin và Mặt trận Tổ quốc trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện, công nhận danh hiệu thi đua ở cơ sở.

Sáu là, tăng cường hiệu quả công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích xã hội hoá hoạt động văn hoá. Tập trung hoàn thành Quy hoạch phát triển xã hội hoá hoạt động văn hoá đến năm 2010. Tạo lập những mô hình cụ thể đặc trưng cho xã hội hoá hoạt động văn hoá.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Tôi tin rằng, với quyết tâm và trách nhiệm cao, với đội ngũ văn nghệ sĩ, cán bộ, công nhân, viên chức chí cốt với nghề, tâm huyết với sự nghiệp, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự tham gia tích cực của nhân dân trong hoạt động văn hoá, nhất là trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", ngành văn hoá - thông tin nhất định sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2004.

Một lần nữa, xin chúc các đồng chí và các bạn sức khoẻ, hạnh phúc.

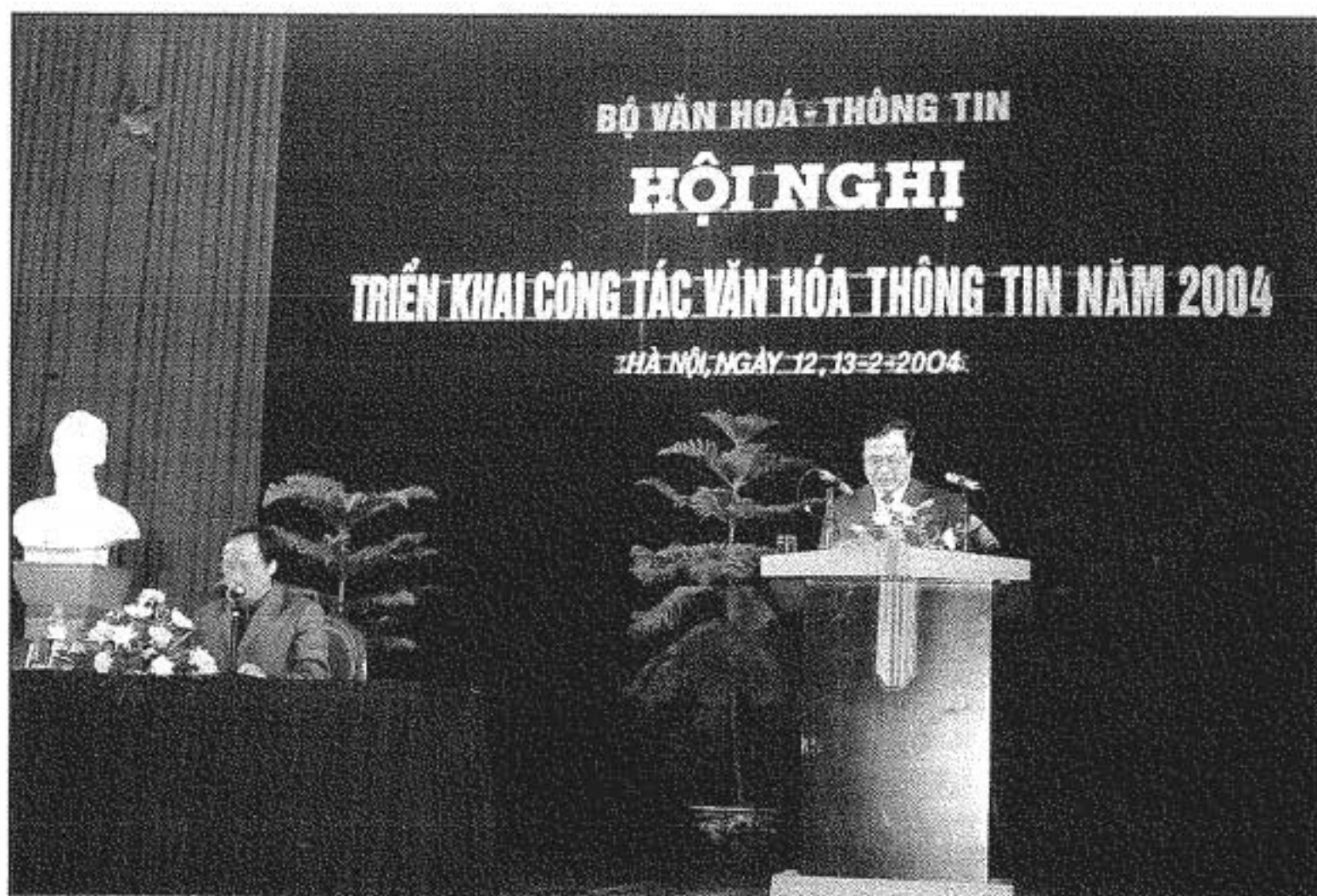
Chúc Hội nghị thành công.

Xin cảm ơn.

Bài phát biểu của Bộ trưởng

PHẠM QUANG NGHỊ

Tổng kết Hội nghị triển khai công tác Văn hóa - Thông tin năm 2004



Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Phạm Quang Nghị phát biểu tại hội nghị - Ảnh: Xuân Đông

Kính thưa các đồng chí đại biểu các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, các Hội Văn học nghệ thuật!

Thưa các đại biểu và các đồng chí!

Hôm nay, tôi rất vui mừng được thay mặt lãnh đạo Bộ phát biểu tổng kết bế mạc Hội nghị của chúng ta. Sau một ngày rưỡi làm việc khẩn trương, nghiêm túc và tập trung, Hội nghị triển khai công tác văn hoá thông tin năm 2004 của chúng ta đã hoàn thành tốt đẹp chương trình đề ra. Các đại biểu đã phát huy tinh thần trách nhiệm và trí tuệ đóng góp cho Hội nghị những ý kiến hết

sức phong phú và giá trị. Đó là những kinh nghiệm bổ ích và sinh động của công tác văn hoá thông tin năm qua, góp phần quan trọng làm nên thành tựu chung của đất nước và cho việc triển khai và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác văn hoá thông tin năm 2004.

Về dự Hội nghị, có 450 đại biểu, bao gồm 280 đại biểu đại diện các cơ quan, ban, ngành Trung ương; 140 là đại biểu của các Sở Văn hoá - Thông tin, 30 đại biểu là thủ trưởng các cơ quan thông tin, báo chí tham dự.

Hội nghị của chúng ta vô cùng phấn khởi và

vinh dự được đón đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương; đồng chí Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Đặc biệt, sau nhiều năm ngành Văn hoá - Thông tin mong ước, năm nay Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã đến dự Hội nghị triển khai công tác văn hoá thông tin và đã có bài phát biểu rất quan trọng đối với Hội nghị, đồng thời cũng là với toàn Ngành. Sự có mặt của Thủ tướng, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, thể hiện sự quan tâm to lớn của Đảng, Chính phủ đối với vị trí, tầm quan trọng của văn hoá thông tin; là nguồn động viên, khích lệ vô cùng to lớn đối với mỗi người chúng ta.

Những ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Phan Văn Khải đã chỉ ra những nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược định hướng cho công tác văn hoá thông tin trong thời gian tới. Ngành Văn hoá - Thông tin cần phải quyết tâm phấn đấu, sớm cụ thể hoá bằng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực để toàn Ngành triển khai thực hiện.

Tại Hội nghị lần này, phần nội dung làm việc có những cải tiến: Nội dung thảo luận được hướng dẫn trước, nên các tham luận có trọng tâm hơn. Đa số đại biểu các địa phương được phát tài liệu từ hôm trước để có thời gian nghiên cứu. Các tham luận được chuẩn bị kỹ và có chất lượng, có giá trị tổng kết, nên khi trình bày tại Hội nghị có sự ngắn gọn và súc tích hơn. Các ý kiến tham luận tại Hội nghị lần này đại diện cho các vùng, miền: Thành phố, đồng bằng, miền núi, dân tộc, Bắc, Trung, Nam, các đơn vị sự nghiệp, quản lý, doanh nghiệp... Qua các ý kiến thảo luận tại Hội nghị, các đại biểu đã góp phần khắc hoạ được bức tranh tổng quát hoạt động của toàn Ngành trong năm qua và bổ sung được nhiều kinh nghiệm, bài học cụ thể hết sức sống động và thiết thực.

Tại Hội nghị này, tôi chắc rằng lãnh đạo Bộ cũng như các đồng chí đều có chung nhận xét là phát biểu của nhiều đồng chí đại biểu đã nêu lên được những kinh nghiệm hết sức tốt. Các chủ trương, biện pháp chỉ đạo của Bộ, của ngành chỉ có khả năng bao quát những vấn đề chung, cơ bản hoặc những vấn đề có tính nguyên tắc, không thể nào lột tả hết được những sắc thái đặc thù, những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, vùng, miền, khu vực khác nhau. Cho

nên, những ý kiến của các đồng chí có giá trị bổ sung hết sức quan trọng và nó gọi cho mọi người những suy nghĩ về phương pháp vận dụng và phát huy tinh thần chủ động, năng động của từng địa phương, từng cơ sở, từng người phụ trách các đơn vị. Chúng ta không thể chỉ bằng lòng với những kinh nghiệm chung trong điều hành làm việc. Tôi nghĩ, việc bám sát các chủ trương và sự chỉ đạo chung là cực kỳ quan trọng, cần thiết, bởi có như thế mới đảm bảo đi đúng hướng. Mặt khác, phải cần sâu sát thực tiễn mới không quan liêu, không lúng túng. Còn việc vận dụng cụ thể nó lại phụ thuộc vào trình độ của từng đồng chí về năng lực phân tích và đưa ra các giải pháp. Bởi vậy, những ý kiến phát biểu tại Hội nghị này, thật đặc sắc và phong phú. Ý kiến của các đồng chí đã thể hiện được trí tuệ, tiếng nói và nguyện vọng của anh chị em làm công tác văn hoá thông tin trong cả nước.

Qua các tham luận, các đại biểu đã tập trung nhận định, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện về những mặt chuyển biến tích cực và những bài học tốt về công tác chỉ đạo, tổ chức các hoạt động văn hoá thông tin và thực hiện những nhiệm vụ của Ngành trên các địa bàn và các lĩnh vực văn hoá thông tin. Đồng thời cũng nghiêm túc, thẳng thắn nhìn vào sự thật tồn tại, yếu kém của từng mặt hoạt động để tìm giải pháp khắc phục. Các đồng chí cũng đã nêu lên nhiều kiến nghị hết sức quan trọng, cần được quan tâm chỉ đạo, giải quyết sớm.

Tại Hội nghị, có 16 ý kiến phát biểu đóng góp vào Báo cáo tổng kết và đề xuất nhiều vấn đề về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm 2004. Các đại biểu đã nhất trí cao với sự đánh giá và phương hướng nhiệm vụ năm 2004 của Bộ đề ra trong bản báo cáo, đồng thời khẳng định: Năm 2003, công tác văn hoá thông tin được phát triển toàn diện, góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ sát hơn, tạo điều kiện cho các địa phương nâng cao hiệu quả hoạt động văn hoá thông tin. Công tác quản lý nhà nước về văn hoá thông tin đã có các biện pháp chỉ đạo tích cực, chủ động, kiên quyết, thống nhất và đồng bộ hơn so với năm trước. Ở đây tôi xin nói thêm là cũng tương tự như những việc trọng đại của đất nước, một khi toàn bộ hệ thống chính trị, Đảng và nhân dân cả nước đều quyết tâm cao thì dù công việc khó mấy, yêu cầu

có khẩn trương, gấp gáp đến mấy, chúng ta cũng có khả năng hoàn thành. Trong những năm trước kia, cũng đã từng có những việc như vậy. Ví dụ đầu năm 2003, dịch Sars không ai trên thế giới lại nghĩ một nước điều kiện, phương tiện, đội ngũ cán bộ y tế ở trình độ trung bình thế giới, lại làm được cái việc mà nhiều nước tiên tiến, nhiều nước có điều kiện khoa học, kỹ thuật, tiềm lực kinh tế, đội ngũ lớn hơn ta rất nhiều, lại không được như chúng ta. Đặc biệt là việc tổ chức thành công Seagames 22, khi mà chúng ta chỉ hy vọng những mục tiêu khiêm tốn hơn những cái mà chúng ta đã đạt được vừa qua cả về thành tích các bộ môn cũng như công tác tổ chức, điều hành nói chung. Tương tự như thế, trong lĩnh vực của chúng ta cũng có những việc khó tưởng chừng không thể làm được như: xử lý tiêu cực lễ hội, điển hình là chùa Hương, vốn là một lễ hội có nhiều yếu kém, tiêu cực và cũng khó quản lý, vì quy mô tổ chức lễ hội dài ngày, đông người, địa bàn chật hẹp... Thế nhưng, với quyết tâm cao nên sau ba năm quyết tâm chấn chỉnh, lễ hội chùa Hương đã khác hẳn những năm trước. Chùa Hương đã trở thành một điểm sinh hoạt lễ hội lành mạnh. Việc khó thứ hai là quản lý báo chí. Nước ta hiện nay có hơn 500 cơ quan báo chí với hơn 600 ấn phẩm báo chí. Lâu nay, nhiều người cho rằng, chúng ta đã để tuột tay việc quản lý báo chí. Một đồng chí ở Quảng Nam đã nói "biết báo chí vi phạm rồi, nhưng không xử lý được". Năm 2003, Bộ ta đã xử được và từng bước làm cho báo chí cũng phải cẩn thận, sẵn sàng "chịu trận" trước các cơ quan xử lý sai phạm của báo chí. Nhiều cơ quan báo chí, nhiều phóng viên báo chí từ trước đến giờ cứ nghĩ mình là người không ai dám đụng tới, thì bây giờ Bộ căn cứ vào những sai phạm ấy, Bộ đã "đụng tới" và tôi thấy không có cơ quan báo chí hoặc nhà báo nào dám không chấp hành. Chỉ có điều là chúng ta phải quyết tâm làm và đương nhiên là phải làm đúng, nếu làm sai thì không có ai nghe chúng ta được. Đây cũng là một kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành rút ra từ thực tiễn chúng ta cần tiếp tục phát huy. Trong việc thi Hoa hậu, việc tổ chức cưới xin... cũng vậy, nếu Bộ không tích cực kiến nghị, đề xuất với Ban Bí thư, với Chính phủ về việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực thì tình hình chắc chắn sẽ còn xấu hơn rất nhiều.

Năm qua, vai trò tham mưu của Ngành đối với Đảng, chính quyền các cấp trong công tác quản

lý nhà nước và phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin được tăng cường và phát huy. Trong bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ có một câu rất khích lệ chúng ta: Năm 2003, ngành VH-TT đã làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng và Chính phủ trong nhiều việc quan trọng trong lĩnh vực văn hoá thông tin. Ví dụ trong năm qua, trên cơ sở kết quả đáng tự hào về việc khai quật khảo cổ Ba Đình, thì những đề xuất, kiến nghị của Bộ cho Chính phủ về phương án bảo tồn và phát huy giá trị khảo cổ tại khu vực này có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Giá trị của nó hết sức lớn, nên trách nhiệm bảo vệ nó cũng hết sức khó khăn. Các nhà khoa học, các nhà chuyên môn có những ý kiến rất khác nhau. Trong tình huống khó khăn như vậy, cần phải có một thái độ hết sức trách nhiệm và có cái nhìn sáng suốt, mới tìm ra được những giải pháp và chủ trương để cuối cùng có được một phương án đúng đắn, phù hợp với điều kiện và thực tiễn của đất nước. Kết quả là bản báo cáo của Bộ đã được Bộ Chính trị và Chính phủ đánh giá rất cao. Gần như tất cả những đề xuất của Bộ đều được cấp trên chấp nhận.

Sự thống nhất về quan điểm và phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và ngành Văn hoá - Thông tin các cấp trong chỉ đạo và thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đã tháo gỡ được một số vướng mắc về cơ chế tổ chức thực hiện, phát huy được sự chủ động tích cực của phong trào ở cơ sở. Các ý kiến cho rằng, chất lượng xây dựng gia đình, làng, ấp, khu phố, cơ quan văn hoá đã nâng lên hơn trước. Nhiều địa phương đã thực hiện hết sức nghiêm túc trong việc bình xét, công nhận các danh hiệu thi đua của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" nên phong trào ngày càng trở thành chuẩn mực trong vấn đề xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở. Sự đầu tư chiều sâu của Đảng cho văn hoá đã tạo ra sự biến đổi sâu sắc diện mạo văn hoá ở nông thôn, cơ sở. Nhiều ý kiến đã nêu lên những sáng tạo của nhân dân trong quá trình xây dựng đời sống văn hoá và trong việc triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" như ở các tỉnh Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, Đà Nẵng... Nhiều đại biểu đã nêu lên những tồn tại và đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và Bộ, trong đó tập trung vào những vấn đề như: Tình trạng vi phạm di tích, thắng cảnh còn khá phổ biến; Internet phát triển tràn lan, khó kiểm soát, quản lý; tình trạng hẫng hụt đội ngũ cán bộ văn

hoá thông tin kéo dài ở nhiều địa phương chưa được giải quyết, vấn đề về bộ máy tổ chức Ngành ở địa phương, trong đó có vấn đề một số địa phương chưa thực hiện đúng tinh thần Thông tư số 28 của Ban Tổ chức Chính phủ, Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban Thể dục - Thể thao dẫn đến việc không duy trì phòng văn hoá cấp huyện, nên có sự vướng mắc, khó khăn trong công tác quản lý nhà nước. Nhiều kiến nghị được các địa biểu nêu lên như: Bộ cần có kế hoạch triển khai sớm các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và trọng đại của năm 2005; đề nghị Nhà nước có cơ chế, chính sách hợp lý đầu tư kinh phí về hoạt động văn hoá thông tin vùng cao, miền núi. Trong Quy chế Lễ hội của Bộ, cần được bổ sung loại hình lễ hội mới là *Lễ hội Văn hoá Du lịch*, trong đó cần có các quy định phù hợp về phương thức quản lý. Cần có sự phối hợp với Bộ Tài chính, Tổng cục Du lịch để xuất các chính sách về đầu tư kinh phí cho hoạt động văn hoá ở vùng du lịch, về cơ chế phân phối lại nguồn đầu tư, tôn tạo lại nguồn lực văn hoá...

Những tồn tại và kiến nghị được các địa biểu nêu lên, Bộ sẽ tập hợp đầy đủ để giao cho các Cục, Vụ chức năng nghiên cứu, sớm đề xuất các biện pháp giải quyết hoặc sẽ trình Chính phủ để Chính phủ xem xét, giải quyết.

Thưa các đồng chí!

Năm 2004 là năm có nhiều nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho công tác văn hoá thông tin và cũng có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại của dân tộc và đất nước. Để thực hiện tốt những nhiệm vụ này, toàn Ngành cần tăng cường đoàn kết, tập trung phấn đấu với quyết tâm cao. Ngay sau Hội nghị này, yêu cầu các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Văn hoá - Thông tin căn cứ vào tinh thần các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX); trong đó nhiệm vụ quan trọng toàn Đảng, toàn dân phải ra sức phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 8%, toàn ngành VH TT chúng ta phải suy nghĩ có những việc làm thiết thực góp phần làm cho kinh tế tăng trưởng. Nhiều đồng chí đã nói, chúng ta góp phần cho du lịch cho lễ hội, cho thu hút các đầu tư.... Môi trường văn hoá làm cho người ta cảm thấy xã hội chúng ta yên bình và nó có sức hấp dẫn để đầu tư tăng lên, chứ không phải chỉ có du lịch và lễ hội. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh phát biểu tại hội nghị toàn quốc triển khai công tác của Chính Phủ đã đánh giá cao vai trò của văn hoá đối với việc phát triển kinh tế xã hội ở Quảng Ninh.

Những sự kiện như: Lễ hội Vịnh Hạ Long, Giải thưởng Sao mai, Lễ hội Yên Tử và nhiều hoạt động khác....đem lại cho Quảng Ninh những lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội rất to lớn. Đó là cách chúng ta phải góp phần làm cho kinh tế tăng trưởng.

Tại Hội nghị này, Thủ tướng Phan Văn Khải đã nêu lên 6 mặt tồn tại, yếu kém, 6 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện; báo cáo của Bộ đề ra 12 nhiệm vụ trọng tâm. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình, đồng thời vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm được trao đổi tại Hội nghị để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên. Tôi xin lưu ý các đồng chí thêm mấy vấn đề cần tập trung thực hiện:

- Trước mắt cần tập trung hoàn thành các đề án trong chương trình công tác năm 2004 của Chính phủ; thực hiện tốt Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 1/2004 vừa qua, trong đó cần phối hợp tốt với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, hoàn thành Dự luật Xuất bản (sửa đổi) để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội vào giữa năm nay.

- Tiến hành kiểm điểm tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Các cơ quan chức năng của Ngành tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá bằng các cơ chế, chính sách theo tinh thần Nghị quyết. Đề xuất, kiến nghị với Đảng và Nhà nước các biện pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và tích cực chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương khóa IX.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá; ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các vi phạm trong lĩnh vực thông tin; ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", chú trọng tới việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 14 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội vì đây là vấn đề lâu dài, thường xuyên và cấp bách. Đề nghị các đồng chí phải quan tâm, nếu nơi nào làm tốt rồi thì giữ vững và làm tốt hơn nữa, nơi nào làm chưa tốt thì phải tiếp tục. Quan tâm hơn nữa đến chất lượng của công tác xây dựng gia đình văn hoá, làng, bản văn hoá, khu

phố văn hoá. Về kiến nghị của các địa phương đối với việc bổ sung tiêu chuẩn công nhận danh hiệu "Cơ quan, đơn vị văn hoá" vào Quy chế công nhận danh hiệu gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu phố văn hoá, hiện nay văn bản đã được Cục Văn hoá - Thông tin cơ sở phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoàn thiện. Sau khi có sự điều chỉnh cho thống nhất với Luật Thi đua - Khen thưởng của Nhà nước mới được ban hành, Quy chế sẽ được xem xét ban hành. Đối với công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, cần quan tâm đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hoá, đặc biệt là các thiết chế văn hoá làng, thôn, ấp, bản. Cục Văn hoá thông tin cơ sở cần sớm có hướng dẫn về vấn đề này: Đồng bằng là như thế nào, miền núi là như thế nào? Cần đưa ra các mô hình, nguyên tắc lớn để các địa phương có cơ sở vận dụng vào từng điều kiện cụ thể. Hoàn thành và triển khai các dự án về xây dựng đời sống văn hoá khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và vùng núi phía Bắc. Tiếp tục quan tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá - thông tin đối với nhân dân, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; khắc phục sự chênh lệch quá lớn hiện nay.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá, bản sắc và truyền thống dân tộc. Coi trọng việc sưu tầm, khai thác các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Năm nay, Chính phủ có chương trình mục tiêu riêng, yêu cầu Bộ phải sớm trình bản quy hoạch hệ thống bảo tàng. Trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ có ưu tiên cho các biện pháp chống xuống cấp di tích. Cục Di sản văn hoá cần sớm thống kê xem di sản văn hoá trong cả nước là bao nhiêu, cái nào đang ở tình trạng xuống cấp nghiêm trọng cần phải có kinh phí để tôn tạo. Tôi đề nghị các đồng chí phải hết sức quan tâm xin cơ chế và tự chúng ta phải đề xuất cơ chế. Ví dụ phố cổ Hội An với hơn chục nghìn ngôi nhà cổ, không có nguồn tiền nào vô hạn để rót mãi vào đó từ ngân sách Nhà nước, mà phải có cơ chế, phải xã hội hoá: Cái nào đặc biệt quan trọng cấp quốc gia thì Trung ương, Chính phủ cấp kinh phí; cái nào quan trọng ở mức cấp tỉnh chăm lo và cái nào xã hội hoá thì để nhân dân tự làm. Nhà của người dân đang ở hàng ngày nên họ cũng muốn sửa chữa, chỉ có điều là chúng ta

chưa có cơ chế hướng dẫn họ sửa như thế nào. Đôi khi chờ được sự hướng dẫn của ta nhà của họ đã sập từ lâu rồi. Do vậy chúng ta phải rất quan tâm đến cơ chế, chứ chỉ trông chờ hỗ trợ về tiền thì không có nguồn tiền nào làm nổi. Thậm chí có tiền mà không có cơ chế tốt cũng không làm được.

- Tập trung triển khai lực lượng và kế hoạch hoạt động, xây dựng các chương trình văn hoá nghệ thuật chất lượng cao, các công trình văn hoá phục vụ kỷ niệm lần thứ 50 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, 50 năm ngày giải phóng Thủ đô, 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và chuẩn bị kế hoạch hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và trọng đại năm 2005.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động văn hoá thông tin đối ngoại; mở rộng hợp tác, giao lưu văn hoá với các nước, tranh thủ nguồn tài trợ của các quốc gia, các tổ chức quốc tế, của cá nhân ở nước ngoài; đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ, góp phần phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hoá thông tin các cấp; phát hiện và bồi dưỡng tài năng văn hoá nghệ thuật. Tập trung ưu tiên đầu tư cho sáng tạo văn hoá nghệ thuật và có chế độ chính sách nhằm khuyến khích văn nghệ sỹ sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

Kính thưa các đồng chí!

Chúng ta đã bước vào năm 2004, một năm có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt; là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các nhiệm vụ vừa lớn lao, vừa cấp thiết mà Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 9 (khoá IX) đề ra. Toàn Ngành Văn hoá - Thông tin tin tưởng, đoàn kết quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao phó, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đắc lực hơn nữa công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xin cảm ơn tất cả.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị !



Một cách tiếp cận bảo tàng học mới

LÊ THỊ MINH LÝ *

1 - Nửa sau thế kỷ XX là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của bảo tàng trên toàn thế giới. Bên cạnh những bảo tàng truyền thống như bảo tàng lịch sử tự nhiên, bảo tàng lịch sử xã hội, bảo tàng kỹ thuật và bảo tàng nghệ thuật, đã xuất hiện Bảo tàng Sinh thái (*ecomuseum*). Bảo tàng sinh thái là một loại bảo tàng ra đời trong bối cảnh xã hội ngày càng dành sự quan tâm đặc biệt tới vấn đề môi trường sinh thái. Thuật ngữ "bảo tàng sinh thái" được sử dụng lần đầu năm 1971, tại Đại hội lần thứ IX Hội đồng Bảo tàng Quốc tế - ICOM (International Council of Museums). Bảo tàng sinh thái đầu tiên đã được xây dựng tại Pháp, do Georges Henri Riviere và Hugues Varine, hai nhân vật lãnh đạo của ICOM thời đó đã khởi xướng và cổ vũ cho sự phát triển loại bảo tàng này. Năm 1971, Hugues Varine nhận nhiệm vụ xây dựng bảo tàng ở Le Creusot, vùng Burgundy. Le Creusot đã từng là khu công nghiệp quan trọng bậc nhất của nước Pháp ở thế kỷ XVIII, nổi tiếng về sản xuất đầu máy xe lửa và vũ khí. Chủ vùng đất này là gia đình Schneider, một dòng họ quý tộc giàu có. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, dòng họ Schneider bị phá sản, kinh tế vùng suy kiệt, người dân ở đây thất nghiệp và nghèo khổ. Tạo công ăn việc làm cho hơn 150.000 người lao động vùng này là trách nhiệm hàng đầu của cả

chính quyền địa phương và Nhà nước. Bên cạnh chính sách kinh tế đầu tư để phát triển du lịch, vấn đề tăng cường giá trị đạo đức và nêu cao lòng tự trọng về bản sắc của những người dân địa phương cũng là một mục tiêu hết sức quan trọng của chính sách văn hoá xã hội ở Burgundy. Nhiệm vụ xây dựng bảo tàng cũng phải góp phần giải quyết những yêu cầu đó.

Quyết nghị và Tuyên bố của các chuyên gia UNESCO và ICOM tại Hội thảo Santiago năm 1972 về mô hình "bảo tàng toàn diện" gắn với nhiệm vụ nghiên cứu, bảo vệ môi trường và "cam kết trách nhiệm của những người làm chuyên môn về bảo tàng trong việc góp phần vào chính sách phát triển của quốc gia" (1) là định hướng và cơ sở khoa học để Hugues Varine sáng tạo một mô hình bảo tàng mới. Thay vì xây dựng nhà bảo tàng với những sưu tập hiện vật, những gian trưng bày và thiết lập một đội ngũ cán bộ chuyên trách, ông đã tổ chức một mô hình đặc biệt: vùng Le Creusot mệnh mông với 500 km² "nhà cửa, cây cối, súc vật, vườn tược và con người cùng với lãnh thổ cộng đồng là bảo tàng, là sưu tập, là hiện vật có ý nghĩa sâu sắc" (2). Ông làm cho Le Creusot trở thành biểu tượng về cách mạng công nghiệp của nước Pháp và là điểm đến của hành trình du lịch văn hoá- kỹ thuật với các

* PHÓ CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA

di tích công nghiệp, nông nghiệp, các nhà máy, thị trấn, các lâu đài và công viên xanh tươi.

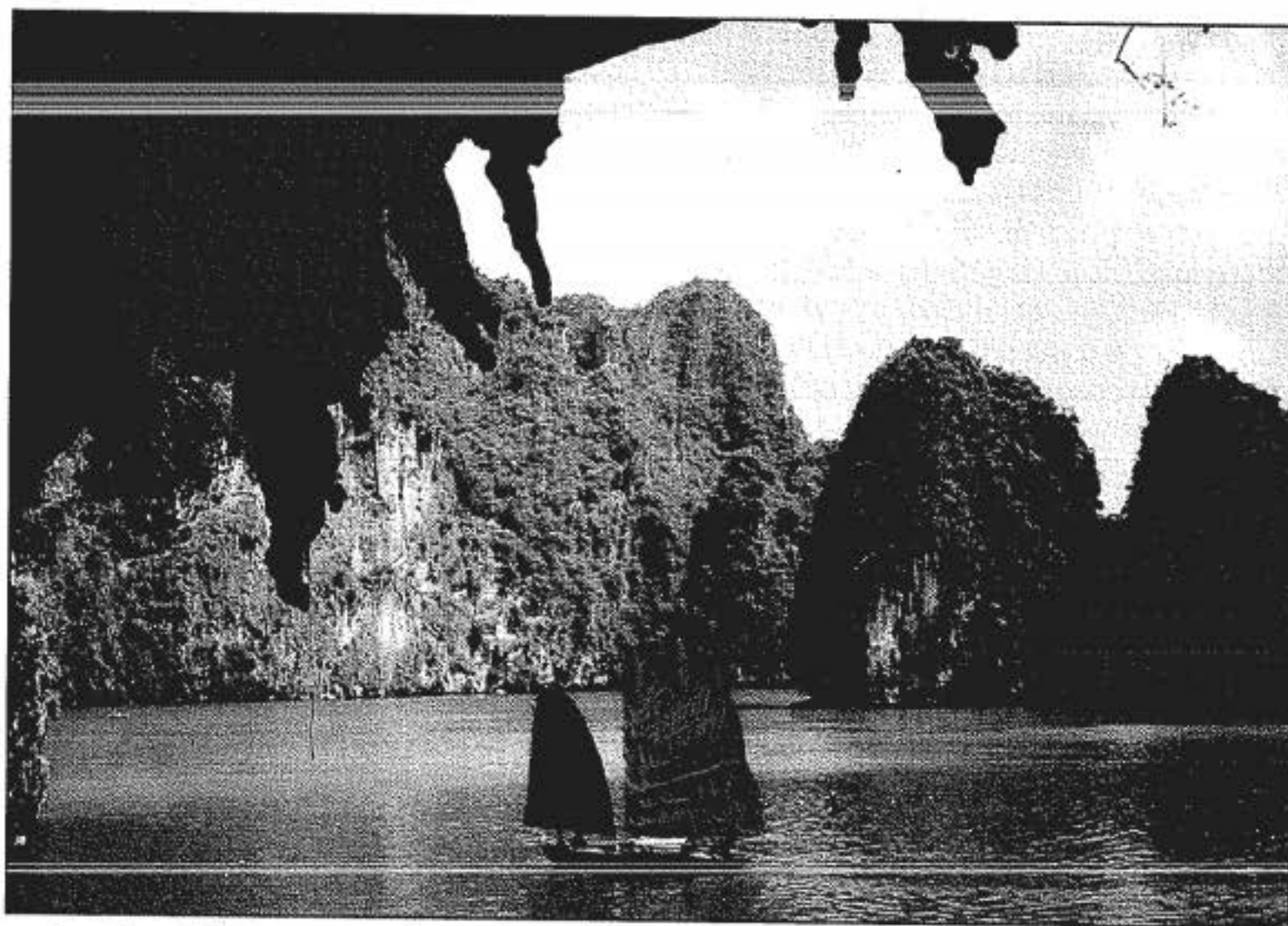
Ba năm sau, năm 1974, Bảo tàng Sinh thái Le Creusot khánh thành và trở thành ngọn cờ đầu của phong trào bảo tàng sinh thái trên toàn thế giới. Hơn hai mươi năm sau, nói về sự thắng lợi của bảo tàng sinh thái đầu tiên Henri Rivière kết luận: *"quan điểm mới về bảo tàng cho phép giải quyết hai câu hỏi chính: Làm thế nào để đưa cộng đồng dân cư từ chỗ đóng kín hoàn toàn đến sự phát triển nền công nghiệp đô thị? Mặt khác, (làm thế nào để đưa) sự liên hệ yếu ớt của 16 thành phần độc lập tự trị trở thành một đô thị toàn diện với quy hoạch, phát triển và chính sách đầu tư chung?"* (3).

Năm 1978, một bảo tàng sinh thái nữa được hình thành ở Fresnes, ngoại ô thành phố Paris. Fresnes là xã hội thu nhỏ của cư dân đô thị mà phần lớn là dân nhập cư. Ở đây có một nhà tù lớn nhất nước Pháp. Trong phạm vi của Bảo tàng Sinh thái Fresnes, người ta đã xây dựng khu trưng bày về lịch sử nhà tù, về tình hình xã hội hiện tại và đặc biệt, có cả nội dung về nghề nghiệp đầy khó khăn của những người quản lý, làm việc trong nhà tù. Chính họ trở thành "các bảo tàng viên" tham gia sưu tầm và giới thiệu trưng bày này. Những người dân nhập cư ở thị trấn thì tham gia vào hoạt động của bảo tàng thông qua việc tự giới thiệu ký ức văn hóa của mình. Họ mang đến bảo tàng những kỷ vật về nguồn gốc dân tộc của họ, những đồ vật mà họ làm ra khi sống trên mảnh đất nhập cư, nguyên liệu của địa phương sở tại nhưng mang giá trị tinh thần văn hóa dân tộc. Đặc biệt là họ xây dựng một "sưu tập" văn hóa phi vật thể mà họ gọi là "collective memory" – ký ức tập thể. Đó là các câu chuyện kể bằng lời (telling story), một hình thức vật thể hoá những giá trị văn hóa phi vật thể. Bảo tàng Sinh thái Fresnes đã thực sự đưa cộng đồng đến gần nhau trong hoạt động bảo tàng ở mọi lĩnh vực: sưu tầm, kiểm kê, trưng bày và giới thiệu di sản.

Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là một ví dụ khác về sự thành công khi vận dụng mô hình Le Creusot trong điều kiện của Thụy Điển. Cũng như Le Creusot, Bergsladen là khu công nghiệp lớn, có bảo tàng công nghiệp ngoài trời đầu tiên trên thế giới, có di sản văn hoá dân gian phong phú, có di sản thiên nhiên nổi tiếng. Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là một cơ quan bao trùm một số bảo tàng nhỏ, di tích và công

viên. Bảo tàng này vận hành theo nguyên tắc "cái ô". Bảo tàng có trách nhiệm với từng thiết chế nhỏ thuộc nó, tạo sự gắn kết giữa các thiết chế đó. Mọi hoạt động bảo tàng được phối hợp chặt chẽ với các cơ quan văn hoá, du lịch và với những người dân địa phương. Nhiệm vụ quan trọng của Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là tăng cường sự hiểu biết của con người về môi trường sinh thái, về mối quan hệ giữa năng lượng, tài nguyên và hoạt động của con người để góp phần vào chiến lược phát triển sinh thái bền vững cho tương lai.

Mười năm sau Le Creusot, có thêm nhiều bảo tàng sinh thái ở Mexico, Canada, Na Uy, Australia, Thụy Điển, Anh, Bồ Đào Nha. Đến năm 1999, toàn thế giới có tới 136 bảo tàng sinh thái, phân bố ở 26 quốc gia, trong đó Pháp và Canada có nhiều nhất. Hoạt động thực tiễn và kinh nghiệm của loại bảo tàng này được ICOM tổng kết thành lý luận về *Bảo tàng học mới* (New Museology). Tổ chức liên kết quốc tế về Bảo tàng học mới của ICOM (Mouvement International pour la Nouvelle Muséeologie), viết tắt là MINOM, đã được thành lập, chuyên nghiên cứu và tiến hành các hoạt động hỗ trợ bảo tàng sinh thái. MINOM đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc tế về Bảo tàng học mới. Năm 1985, Georges Henri Rivière cùng Hugues Varine đã tổng kết và đưa ra định nghĩa về bảo tàng sinh thái như sau: *"Bảo tàng sinh thái là bảo tàng được hình thành, biểu đạt và hoạt động với sự tham gia của công chúng, bao gồm cả chính quyền và cư dân địa phương. Chính quyền địa phương tham gia bằng cách cung cấp các chuyên gia, thiết bị và tiền vốn; còn những người dân địa phương thì bằng vào nguyện vọng, kiến thức và khả năng cá nhân để thúc đẩy công việc. Cho nên, bảo tàng sinh thái trở thành một tấm gương để cư dân địa phương tự soi mình vào đó nhận ra hình ảnh của chính mình, để tìm ra lời giải thích về vùng đất mà tổ tiên, cha ông họ đã đạt được trong các lĩnh vực sinh thái. Bảo tàng sinh thái cũng là hình ảnh chân thực mà những người dân địa phương muốn phản ánh với du khách để họ hiểu rõ và trân trọng những yếu tố về đời sống công nghiệp, phong tục và bản sắc địa phương. Bảo tàng sinh thái là sự ứng xử của con người với thiên nhiên, đặt con người trong môi trường thiên nhiên, miêu tả thiên nhiên sinh động trong tính hoang dã cùng với sự hòa nhập thích*



Hang Bồ Nâu, Hạ Long, nằm trong khu bảo tàng sinh thái đầu tiên của Việt Nam - ảnh: T.T.X

ứng với xã hội truyền thống và công nghiệp hiện đại."(4)

So sánh với khái niệm "bảo tàng" truyền thống, bảo tàng sinh thái cũng là một thiết chế văn hoá, phi lợi nhuận, phục vụ công chúng, có chức năng lưu giữ các di sản vì mục đích nghiên cứu giáo dục và thưởng thức. Tuy nhiên, bảo tàng sinh thái cũng có một số điểm đặc thù:

- Đối tượng nghiên cứu của bảo tàng sinh thái phong phú hơn, bao gồm di sản văn hoá và di sản thiên nhiên; di sản vật thể và di sản phi vật thể; di sản động sản và di sản bất động sản.

- Không gian hoạt động của bảo tàng sinh thái mở rộng hơn, bao gồm trong nhà và ngoài trời; không gian văn hoá, xã hội và môi trường thiên nhiên. Theo đó, bảo tàng được hiểu rộng ra là nhà trưng bày, trung tâm thông tin, làng nghề, xưởng máy, đồng ruộng, công viên, vườn sinh thái, di tích lịch sử - văn hoá, thắng cảnh....

- Quản lý và tổ chức hoạt động của bảo tàng sinh thái không phải hoàn toàn do các cán bộ chuyên môn (museum professional) làm, mà phần chủ yếu do cộng đồng cư dân tự quản, với các hình thức đa dạng.

- Kinh phí để hoạt động bảo tàng một phần do chính quyền địa phương cấp, một phần được

các quỹ của nhà nước cấp, và phần chủ yếu là lợi nhuận thu được từ các dịch vụ bảo tàng.

- Bảo tàng sinh thái gắn kết chặt chẽ với các thiết chế văn hoá khác của địa phương, đặc biệt là du lịch. Bảo tàng sinh thái là mô hình bảo tồn di sản trong sự phát triển bền vững.

2- Việt Nam là nước có nhiều điều kiện để xây dựng Bảo tàng sinh thái. Năm 1994, Vịnh Hạ Long được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản Thế giới. Xuất phát từ giá trị đặc thù về địa chất, địa mạo, về sinh thái, về con người và về văn hóa của vùng đất này, UNESCO đã giúp đỡ Việt Nam nghiên cứu xây dựng Dự án tiến khả thi Bảo tàng Sinh thái Hạ Long (Halong Ecomuseum). Dự án này được báo cáo Chính phủ năm 2001. Ý tưởng chính của của Dự án là đề xuất phương thức tiếp cận chiến lược trong việc quản lý di sản, bao gồm cả di sản văn hóa và di sản thiên nhiên; di sản động sản và di sản bất động sản; di sản vật thể và di sản phi vật thể và, trung tâm là di sản con người. Bảo tàng này có mục tiêu bảo vệ, làm phong phú và phát huy hiệu quả hơn nữa giá trị di sản Vịnh Hạ Long. Kinh tế và du lịch Hạ Long qua đó mà phát triển, lợi nhuận từ du lịch

sẽ được tái đầu tư cho việc bảo tồn di sản. Cộng đồng dân cư ở đây có thêm công việc, thêm thu nhập, và quan trọng hơn, là tăng cường trách nhiệm, sự gắn kết và tích cực hơn nữa trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản một cách bền vững. Cuối năm 2002, Chính phủ đã phê duyệt dự án này và cho phép lần lượt đầu tư, trong 5 năm, 12 dự án thành phần của Bảo tàng Sinh thái Hạ Long, với tổng mức đầu tư gần 300 tỷ đồng. Kinh phí đầu tư cho dự án sẽ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau: kinh phí từ nhà nước, kinh phí từ nguồn thu của Di sản Vịnh Hạ Long; đóng góp của cộng đồng và tài trợ quốc tế.

Theo dự án, làng chài Cửa Vạn sẽ có một *Trung tâm văn hóa nổi* do chính những ngư dân Cửa Vạn xây dựng, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu và quản lý. Di tích Bãi cọc Bạch Đằng được đầu tư tôn tạo trở thành điểm du lịch thu hút khách tham quan trong nước và quốc tế. Một Trung tâm giới thiệu và tiếp đón khách tham quan sẽ được xây dựng tại thành phố Hạ Long. Đây sẽ là nơi cung cấp những thông tin nghiên cứu và tiến hành các chương trình giáo dục cộng đồng về giá trị di sản. Làng nghề đóng tàu truyền thống ở Hạ Long sẽ được bảo tồn, những kỹ năng truyền thống sẽ được truyền dạy, giá trị văn hóa của làng nghề sẽ là nội dung chính của du lịch. Di tích núi Bài Thơ sẽ được tập trung nghiên cứu bảo tồn. Sẽ xây dựng *Bảo tàng Than ở Cẩm phả* và bảo tồn di tích mỏ để giới thiệu về ngành công nghiệp khai khoáng đầu tiên ở Việt Nam. Động Mê Cung và các di tích khảo cổ ở Hạ Long sẽ trở thành một bảo tàng ngoài trời giới thiệu về đời sống của con người thời tiền sử...

Trong tương lai, với Bảo tàng Sinh thái Hạ Long, chúng ta sẽ có một phương thức quản lý di sản mới, đặc biệt quan trọng, là phương thức quản lý của cộng đồng. Về văn hoá, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ là một trung tâm cung cấp thông tin tốt nhất về di sản, góp phần giới thiệu văn hoá truyền thống Việt Nam cho khách tham quan và lưu giữ tốt nhất các di sản văn hoá, đặc biệt là các di sản văn hoá phi vật thể của địa phương. Về kinh tế, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ góp phần thiết lập một cơ sở kinh tế mới cho khu vực di sản, cho thành phố Hạ Long và các vùng phụ cận - kinh tế dịch vụ du lịch, lấy con người, văn hoá và các giá trị di sản làm trung tâm, với phương châm phát triển bền

vững để tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, sự thịnh vượng và tiến bộ xã hội cho cộng đồng địa phương. Về giáo dục, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ là một trường học sinh động, hấp dẫn và thú vị, mang tính tập thể. Nó không chỉ dạy cho người ta yêu quý thiên nhiên, lịch sử văn hoá, ham mê hiểu biết và phát hiện, mà còn giáo dục các thế hệ trẻ để tạo dựng một nếp sống văn hoá tại một Di sản thế giới nổi tiếng. Về nghiên cứu khoa học, Vịnh Hạ Long vốn là đối tượng nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học, khi Bảo tàng Sinh thái Hạ Long ra đời, thành phố sẽ có thêm một cơ sở nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường thu hút trí tuệ của quốc gia và quốc tế phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá công nghiệp hoá đất nước.

Đầu năm 2003, dự án đầu tiên - Trung tâm văn hoá nổi của Làng chài Cửa Vạn đã triển khai, với sự hỗ trợ của Quỹ Na Uy thông qua UNESCO. Đối với một quốc gia đang phát triển, thử nghiệm đầu tiên về một mô hình bảo tàng mới - bảo tàng sinh thái là hết sức khó khăn. Vấn đề này đang được tỉnh Quảng Ninh, UNESCO, Bộ Văn hoá - Thông tin hết sức quan tâm, từng bước giải quyết.

3- Từ thực tiễn phát triển của loại hình bảo tàng sinh thái trên thế giới và từ những nhận thức ban đầu về loại hình bảo tàng mới này, chúng tôi có mấy nhận xét sau:

- Bảo tàng sinh thái đã được coi là một bước tiến của bảo tàng học trong xu thế hội nhập và phát triển. Sự phát triển của bảo tàng sinh thái có cơ sở thực tiễn từ những vấn đề mang tính toàn cầu (chính sách xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn bản sắc văn hoá trong sự phát triển bền vững) và được coi là phong trào "Bảo tàng học mới". (Năm 1984, tại Hội nghị ở Canada, phong trào "Bảo tàng học mới" đã công bố "Tuyên ngôn Quebec" với nội dung tư tưởng là: Mở rộng chức năng bảo tàng, điều hoà quan hệ sinh thái giữa con người và tự nhiên, đi sâu vào xã hội phục vụ cho cộng đồng. Cư dân của cộng đồng là chủ nhân của bảo tàng, sự gắn liền lịch sử và tương lai làm cho bảo tàng có thể phản ánh diễn biến của xã hội).

- Bảo tàng sinh thái mang đến những nhận thức mới trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Nhà bảo tàng học Mỹ Nancy Fauler giải thích về bảo tàng sinh thái như sau: "*Bảo tàng sinh thái là một sự đổi mới chức năng bảo tàng, theo*

đó, nó là cơ quan quản lý giáo dục, văn hoá, có lúc được gọi là bảo tàng làng quê hoặc bảo tàng khu phố. Nó vừa là cái khung để khảo sát tính chất và kết cấu của cơ cấu văn hoá, vừa là quá trình làm cho nó dân chủ hoá, đó là niềm tin cơ bản của bảo tàng sinh thái". Tuy nhiên, hoạt động của bảo tàng sinh thái trong 30 năm qua đang còn đặt ra một số vấn đề: "Một cộng đồng, một làng xóm, trong một xã hội phát triển nhanh chóng, đời sống cư dân không ngừng đổi mới, sao có thể làm cho phương thức sinh hoạt và "quy cách định sẵn" về văn hoá dừng lại ở một trạng thái? Xem ra quả là khó....Nếu không tách sinh thái vốn có để trưng bày riêng thì phương thức sinh hoạt và văn hoá truyền thống vốn có sẽ không ngừng biến đổi cho tới chỗ bị nhấn chìm và tiêu tan trong dòng thác phát triển của xã hội. Chúng ta hy vọng nó có thể tìm ra được con đường có thể đi được để tiếp tục tiến lên."(5)

- Bảo tàng sinh thái có thể sẽ là một loại hình mới, là một bước tiến mới của bảo tàng học trong điều kiện cần phải giải quyết mâu thuẫn giữa sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ với việc giữ gìn môi trường sống và sinh thái tự nhiên của trái đất. Từ đó, bảo tàng sinh thái sẽ có những đóng góp xã hội trong sự phát triển bền vững của thế giới và nhân loại.

Bảo tàng sinh thái và phong trào Bảo tàng học mới là tri thức thực tiễn tràn đầy tinh thần sáng tạo đã xuất hiện và tồn tại từ ba thập kỷ cuối thế kỷ XX đến nay. Thực tiễn này cũng còn đang trong quá trình thử nghiệm, có thể trong thế kỷ XXI phong trào này sẽ tiếp tục tiến lên. Tuy nhiên, không có gì có thể thay thế được

Lê Thị Minh Lý - Bảo tàng sinh thái - một cách tiếp cận BTH...

mô hình bảo tàng truyền thống đã tồn tại trên 250 năm qua với các điều kiện cơ sở: hiện vật gốc; khách tham quan; cán bộ bảo tàng; nhà bảo tàng, trang thiết bị và tài chính.

Hà Nội, tháng 1/2004

L.T.M.L

Chú thích :

1.* Hugues de Varine, 1996: "Ecomuseum or community museum." (Bảo tàng sinh thái hoặc là bảo tàng cộng đồng) , Bài đăng trên trang web: www.asdic.fr/francais/ecomu.htm

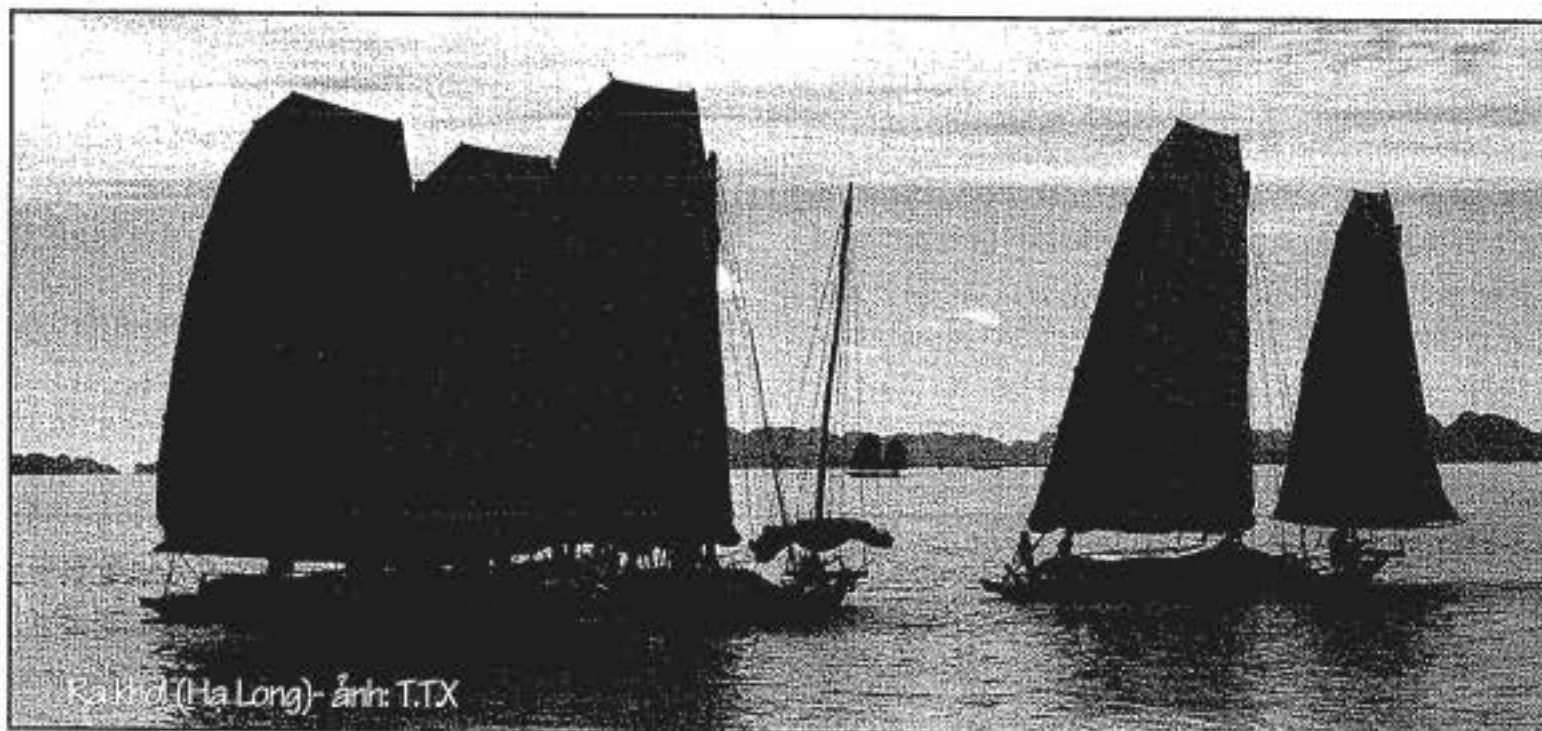
2;3. Hugues de Varine, 1993: "Tomorrow's Community Museums" (Các bảo tàng cộng đồng tương lai). Bài đăng trên trang web: www.hdg.de/Final/deu/page508.htm

4.Georges-Henri Riviere, 1985: "The ecomuseum - an evolutive definition" (Bảo tàng sinh thái - một định nghĩa phát triển). Bài đăng trên tạp chí: Museums UNESCO.no. 148

5. Cơ sở Bảo tàng học Trung Quốc, 2001 Cục Văn vật quốc gia Trung quốc, bản dịch của Cục Di sản văn hoá, tr. 21.

Tài liệu tham khảo: Amareswar Galla,2000: "Museums, Globalisation and Sustainable Partnership" (Các bảo tàng, toàn cầu hóa và sự hợp tác bền vững). Kỷ yếu Hội thảo các nước Á - Âu "Đổi mới các bảo tàng cho thế kỷ XXI", Bảo tàng Văn hóa thế giới xb năm 2001, tr. 93-99.

Tài liệu tham khảo: Amareswar Galla, 2001: "Heritage and Tourism in sustainable development: Halong Bay case study" (Di sản, và Du lịch. trong sự phát triển bền vững: Vịnh Hạ Long, một nghiên cứu thí điểm). Kỷ yếu Hội thảo " Di sản văn hóa, Con người và du lịch", Quy Á - Âu xb năm 2002, tr. 135-146.



Ra Khẩu (Hạ Long)- ảnh: T.TX

Đa dạng hóa các hoạt động của bảo tàng hiện đại

(Từ kinh nghiệm của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam)

PGS.TS NGUYỄN VĂN HUY*

Trong mấy năm gần đây, cái tên Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (BTDTHVN) đã trở nên quen thuộc với nhiều người dân thủ đô Hà Nội, đặc biệt là trẻ em, thanh niên và các gia đình. Bảo tàng đã không còn là một không gian chỉ dành riêng cho những nhà khoa học, những người nghiên cứu hay những người đến tham quan do "bắt buộc". Hai từ "bảo tàng" nói chung đã được hiểu theo nhiều nghĩa mới, không chỉ là nơi để lưu giữ những cái đã qua, những cái cũ, những cổ vật hay như một "nơi tàng trữ", mà công chúng ngày nay tìm đến Bảo tàng để *trải nghiệm, để học hỏi những kiến thức mới và để có những phút giây thoải mái*. Bảo tàng đã là nơi mà công chúng lựa chọn... Tại sao lại có sự đổi thay như vậy? Bằng những phân tích về việc đa dạng hoá các hoạt động của BTDTHVN cũng như kinh nghiệm chung trên thế giới, tôi mong muốn đưa ra một số lý giải cho những câu hỏi nêu trên.

1- Tại sao phải đa dạng hoá các hoạt động?

Giống như bất cứ bảo tàng nào khác, BTDTHVN cũng có những chức năng chính như nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày và giáo dục (hay phổ biến kiến thức). Khác với nhiều bảo tàng ra đời trước đó, BTDTHVN thành lập trong bối cảnh không còn chiến tranh, đất nước đã bước vào thời kỳ đổi mới gần một thập kỷ.

Chính sách mở cửa của nhà nước đã dẫn đến những đổi thay về kinh tế, sự mở rộng giao lưu, những ứng dụng của tiến bộ khoa học kỹ thuật và cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện. *Nhu cầu thưởng thức văn hoá và nhu cầu giải trí của người dân ngày một tăng lên*. Sự phổ biến của tivi và đài phát thanh với các chương trình ngày càng hấp dẫn tới từng gia đình giải quyết được phần nào nhu cầu đó của người dân, nhưng không ngăn họ ra khỏi nhà và tìm đến các địa điểm du lịch gần hay xa, các cơ sở văn hoá hay các nơi vui chơi giải trí. Trình độ thưởng thức văn hoá của người dân cũng được nâng lên rất nhiều, đòi hỏi chất lượng của các dịch vụ văn hoá và giải trí cũng phải được nâng cao. Chính nhu cầu này của người dân là *một điều kiện thuận lợi để Bảo tàng có thể mở rộng cánh cửa của mình đón chào du khách*. Nhưng đó cũng lại là một thách thức lớn vì người ta phải lựa chọn nên đi đâu, xem gì với quỹ thời gian rất eo hẹp của mỗi người.

Trước đây, trong thời kỳ còn bao cấp, các bảo tàng chưa phải nghĩ nhiều đến việc "tự nuôi sống mình". Sự bao cấp đã dẫn đến tình trạng trì trệ của các bảo tàng, làm mất đi tính năng động trong các hoạt động bảo tàng. Giờ đây, các bảo tàng không còn đứng ngoài quy luật kinh tế thị trường nữa. Bảo tàng không thể coi

* GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VN

nhẹ đối tượng phục vụ của mình, mà phải vận động và tìm cách lôi kéo công chúng đến thăm bảo tàng vì chính họ mang lại nguồn thu quan trọng cho bảo tàng. Như vậy, do nhu cầu khách quan (nhu cầu thưởng thức văn hoá của công chúng) và nhu cầu chủ quan của bảo tàng (nhu cầu nâng cao nguồn thu để nuôi dưỡng các hoạt động nghiệp vụ) mà bảo tàng phải đa dạng hoá các hoạt động của mình với chất lượng cao.

Như đã nói ở trên, công chúng giữ vai trò sống còn đối với bảo tàng nên việc tìm hiểu nhu cầu của công chúng là điều không thể thiếu. Công chúng giờ đây không còn dễ dãi chấp nhận bất cứ "món ăn" nào mà bảo tàng cung cấp, mà họ có lựa chọn của mình. Với vai trò là cơ quan nghiên cứu và truyền bá về cuộc sống và văn hoá của 54 dân tộc ở Việt Nam, BTĐTHVN hướng tới lượng công chúng phức hợp, bao gồm cả người Việt Nam lẫn người nước ngoài, người dân thủ đô và người dân các tỉnh, công chúng thuộc nhiều lứa tuổi, giới tính và trình độ văn hoá.

Đặc biệt, là một bảo tàng quốc gia nhưng lại nằm tại thủ đô Hà Nội nên BTĐTHVN xác định nhiệm vụ phải thu hút và phục vụ nhân dân Thủ đô một cách hiệu quả nhất. Thủ đô Hà Nội vốn tập trung nhiều bảo tàng, nhưng thực tế cho thấy là người dân vẫn còn thờ ơ với bảo tàng. Nhiều người Hà Nội chọn cách đi du lịch ở các

địa phương hay đến các hội chợ thay vì đến với bảo tàng. Bên cạnh đó, Bảo tàng phải cạnh tranh với nhiều nơi vui chơi giải trí khác của thủ đô (nhà hát, rạp chiếu bóng, các tụ điểm trình diễn văn nghệ, công viên nước...). Đây là một thách thức với các bảo tàng nói chung, BTĐTHVN nói riêng. Theo kinh nghiệm của các bảo tàng trên thế giới, bảo tàng "sống" được là nhờ vào lượng công chúng thường xuyên đến với bảo tàng. Đó là "công chúng tại chỗ", công chúng "địa phương" nơi bảo tàng tọa lạc. Họ là những người đầu tiên đón nhận và chịu ảnh hưởng trực tiếp những hoạt động của bảo tàng, là những người có điều kiện để đến với bảo tàng nhiều lần hơn do lợi thế về khoảng cách.

Bên cạnh đó, lượng du khách quốc tế đến Hà Nội ngày càng tăng là một thuận lợi đối với Bảo tàng vì nhu cầu thăm bảo tàng đã trở thành thói quen của họ. Đặc biệt, những du khách mong muốn tìm hiểu về nền văn hoá và con người Việt Nam thường tìm đến BTĐTHVN trước khi đi đến các vùng miền khác...

Để thu hút được công chúng đến với bảo tàng, trước hết, bảo tàng phải hiểu rõ, để từ đó đáp ứng, những yêu cầu của công chúng, nghĩa là bảo tàng không chỉ đơn thuần đưa ra những trưng bày hay hoạt động mang tính chủ quan mà không quan tâm đến sở thích, nhu cầu hay ý kiến của công chúng. Do vậy, chỉ khi nào có được những trưng bày và hoạt động đa dạng,



Hiện tượng tham quan Bảo tàng Dân tộc học - Hà Nội

đều kỳ, hấp dẫn, nhiều thông tin và đầy tính giáo dục, đồng thời, những thông tin về những hoạt động ấy được truyền bá tới đông đảo công chúng, thì bảo tàng mới thực sự "vươn tới" công chúng của mình.

2- Thế nào là đa dạng hoá các hoạt động bảo tàng?

Nhận thức bảo tàng *phải tìm đến với công chúng* đã làm thay đổi nhiều cách tổ chức hoạt động của bảo tàng so với những năm trước đây. Như đã đề cập, trước kia, các bảo tàng cũng tiến hành các hoạt động chuyên môn của mình như nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, giáo dục..., nhưng *vai trò của công chúng, của cộng đồng chưa được đề cao*. Nếu như trước đây nghiên cứu chủ yếu chỉ hướng đến cộng đồng để lấy thông tin thì nay nghiên cứu lại chú trọng nhiều đến sự hợp tác, cộng tác của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá. Đa số các trưng bày thời kỳ trước thiên về mục đích tuyên truyền thuần túy, đơn giản, nên thường khô cứng và kém hấp dẫn, thường *thiếu những chương trình giáo dục* riêng phù hợp với từng đối tượng, nhất là học sinh. Không những thế, do đơn giản coi trưng bày là hoạt động trung tâm của bảo tàng, nên sau khi cất băng khai mạc, thì các cuộc trưng bày đều được coi như đã hoàn thành, mà *không thấy phải có các hoạt động đa dạng để lôi cuốn khách đến tham quan kể từ khi khai mạc cho đến lúc kết thúc cuộc trưng bày*. Đó là các hoạt động trình diễn, biểu diễn, hội thảo, tọa đàm, chiếu phim và nhiều loại hoạt động khác nhau của chương trình giáo dục. Hiện nay, những hoạt động đi kèm theo trưng bày như vậy đã trở nên thường xuyên và không thể thiếu của BTĐTHVN.

3- BTĐTHVN đa dạng hoá các hoạt động cụ thể của Bảo tàng như thế nào?

Nghiên cứu phục vụ cho các hoạt động trưng bày:

Cách tiếp cận nghiên cứu có gì mới?

Bên cạnh những nghiên cứu mang tính truyền thống như nghiên cứu cơ bản để hiểu sự kiện, hiểu hiện vật, nhằm nâng cao chất lượng các trưng bày, đưa lại những thông tin, những kiến thức mới, đúng đắn cho khách tham quan, thì những cách tiếp cận mới đã được BTĐTHVN áp dụng. Đó là xu hướng tiếp cận *khuyến khích sự tham gia của các chủ thể văn hoá vào các hoạt động của bảo tàng; khuyến khích các chủ thể văn hoá tự trình bày văn hoá và những suy nghĩ của mình (photovoice), nghiên cứu gắn với cộng đồng và nghiên cứu gắn với phát triển*

Nguyễn Văn Huy - Đa dạng hóa các hoạt động của bảo tàng

(bảo tồn và phát triển các nghề thủ công, nghệ thuật dân gian như rối Tây, múa rối nước). Ngày nay, bảo tàng không chỉ là nơi trình bày những kết quả nghiên cứu của mình về văn hoá các dân tộc, mà còn là diễn đàn để những người dân tự thể hiện mình, tự giới thiệu mình với công chúng. Điều này giúp cho người xem có điều kiện được tiếp xúc trực tiếp với những chủ thể văn hoá, tạo những trải nghiệm mới, khác và lý thú cho du khách.

Trưng bày: Yêu cầu đòi hỏi là hấp dẫn, đổi mới thường xuyên.

Trưng bày thường xuyên: Đây là hoạt động cần thiết của bất cứ bảo tàng nào. Các trưng bày thường xuyên phải đảm bảo chất lượng cao, có quy chuẩn rõ ràng; cập nhật, phù hợp với các xu thế hiện đại trong quan niệm và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới; cung cấp nhiều thông tin; song/đa ngữ với chất lượng cao.

Trưng bày chuyên đề: Trưng bày chuyên đề giữ vai trò rất quan trọng trong mỗi bảo tàng, là một trong những hoạt động then chốt của bảo tàng. Nếu như trưng bày thường xuyên chỉ có thể giới thiệu/nêu vấn đề một cách chung chung, điểm xuyết thì trưng bày chuyên đề/tạm thời là dịp để bảo tàng có thể khai thác một khía cạnh chuyên sâu nào đó mà trưng bày thường xuyên không đáp ứng được. Ví dụ, trong trưng bày thường xuyên của BTĐTHVN, phần "người Lào" chỉ được giới thiệu sơ qua, nhưng với trưng bày chuyên đề "thợ thủ công chụp ảnh", Bảo tàng đã khắc họa rõ nét cuộc sống và nghề dệt vải truyền thống của người Lào ở bản Na Sang 2, tỉnh Lai Châu. Không những thế, du khách đến thăm bảo tàng còn có dịp gặp gỡ và tiếp xúc với chính những người thợ dệt bản Na Sang ấy trong hai ngày đầu tiên sau khi trưng bày được khai trương. Ngoài ra, những hoạt động khác đi kèm theo trưng bày như hội thảo, trình diễn... cũng được tổ chức. Như vậy, chính những trưng bày chuyên đề như trưng bày về nghề dệt vải ở bản Na Sang 2 (hoặc về làng thuốc nam Đại Yên, về nghề đan lát của người Khơ Mú,...) là động lực thu hút công chúng đến với Bảo tàng, tạo ra những hoạt động mới, thường xuyên, đều kỳ, hấp dẫn công chúng không chỉ một lần. Vậy nên, bảo tàng cần thường xuyên tổ chức trưng bày chuyên đề vì chính các trưng bày chuyên đề cùng với các hoạt động kèm theo của chúng sẽ tạo ra sức hấp dẫn công chúng đến với bảo tàng.

Cũng rất cần đa dạng hoá và mở rộng không gian của các trưng bày chuyên đề để có thể

đồng thời tiếp cận nhiều trưng bày khác nhau. Nhưng làm thế nào cho các trưng bày chuyên đề hấp dẫn? Sự hấp dẫn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kỹ thuật trưng bày ánh sáng, màu sắc, nội dung... Nhưng, chúng ta chỉ xuất phát từ những hiện vật mà bảo tàng có thể đưa ra cho công chúng hay còn xuất phát từ nhu cầu của công chúng, nhu cầu của xã hội? Xu hướng mới của các bảo tàng trên thế giới là trưng bày phải đáp ứng được nhu cầu của công chúng. Đơn giản là người ta quan tâm thì mới đến xem. Cho nên, bảo tàng phải tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu của công chúng trước mỗi cuộc trưng bày để đưa ra thông điệp đáp ứng được nhu cầu hiểu biết của họ.

Trưng bày phải gắn với nhu cầu của xã hội đương đại. Có như vậy, trưng bày mới thu hút được khách. Khách càng đông thì không những thoả mãn được hiệu quả văn hoá, xã hội, mà còn thoả mãn được hiệu quả kinh tế nữa. Chúng ta phải dần dần tính toán sự bù đắp, cân đối thu chi cho mỗi cuộc trưng bày.

Để biết được nhu cầu của công chúng, cần phải coi trọng việc nghiên cứu, đánh giá khách tham quan ở tất cả các công đoạn trước, trong và sau khi tổ chức trưng bày. Chính những ý kiến đóng góp của họ sẽ giúp cho quá trình tổ chức trưng bày của bảo tàng thành công hơn.

Chương trình giáo dục:

Bảo tàng ngày nay cần nhận thức đúng đắn vai trò của chương trình giáo dục trong hoạt động bảo tàng. Đó không phải là hoạt động tuyên truyền mà là hoạt động mang tính sư phạm, có tính chuyên nghiệp cao, không thể thiếu được đối với mỗi bảo tàng hiện đại.

Các chương trình giáo dục trong bảo tàng cần quan tâm trước hết đến đối tượng tuổi trẻ, đặc biệt là học sinh. Giáo dục trong bảo tàng được coi là "giáo dục không chính thức", tức là không phải "giáo dục chính thức" trong nhà trường. Giáo dục ở bảo tàng là tạo điều kiện cho học sinh tự khám phá những kiến thức mới; các em được học tập trong bối cảnh "không chính thức" nên không bị gò ép, mà học tập một cách tự nguyện. Ngoài ra, bảo tàng còn cung cấp những giáo cụ trực quan cho học sinh (những hiện vật để các em sờ mó, trải nghiệm...), nên các em thường có được những hiểu biết sâu sắc về vấn đề mình quan tâm. Môi trường giáo dục đó bổ trợ thêm những kiến thức còn thiếu trong nhà trường của các em nên các nhân viên giáo dục của bảo tàng phải tìm hiểu kỹ chương trình học trong nhà trường để từ đó

đưa ra những chương trình giáo dục phù hợp, bổ ích. Những chương trình giáo dục như: chương trình dạy trẻ em làm đồ gốm, tìm hiểu tri thức về cây thuốc nam, hay chơi các trò chơi dân gian, của BTĐTHVN, là những ví dụ về sự kết hợp giữa hiểu biết về kiến thức, tâm lý, tình cảm, nhu cầu của các em và mục tiêu truyền bá và lưu giữ các giá trị văn hoá truyền thống của bảo tàng.

Ngoài ra, bảo tàng còn quan tâm tới chất lượng của các cuộc tham quan. Bảo tàng có quan niệm mới khi ứng xử với học sinh thăm bảo tàng như: phát huy tính chủ động, sáng tạo của các em; tổ chức các hoạt động hấp dẫn, sinh động, phù hợp với tâm lý, sức khỏe và sở nguyện của trẻ em trước, trong và sau khi tham quan.

Từ những quan niệm và nhận thức mới về giáo dục bảo tàng mà BTĐTHVN đã và đang xây dựng các hoạt động phù hợp với các đối tượng khác nhau, như:

- Xây dựng các chương trình tham quan có định hướng dành cho nhà trường, cho học sinh: có tài liệu dành riêng cho học sinh thuộc các lứa tuổi khác nhau, có tài liệu hướng dẫn giáo viên.

- Xây dựng chương trình tham quan dành cho gia đình, tài liệu giúp bố mẹ hướng dẫn con cái thăm và chơi trong bảo tàng.

- Xây dựng các hoạt động giáo dục đa dạng như: hoạt động gắn với các cuộc trưng bày thường xuyên hay chuyên đề; xây dựng Phòng khám phá và các hình thức khám phá tại chỗ với các xe lưu động phù hợp từng gian trưng bày; xây dựng chương trình giáo dục về di sản văn hoá như: dạy nghề thủ công truyền thống cho học sinh: (dạy làm gốm, in tranh Đông Hồ), biểu diễn âm nhạc dân gian...

Chương trình công chúng:

Bên cạnh những chương trình giáo dục dành cho các lứa tuổi học sinh khác nhau, bảo tàng còn có nhiều chương trình khác dành cho công chúng như:

- Tập trung xây dựng và hình thành các hoạt động trình diễn và biểu diễn gắn với trưng bày chủ thể văn hoá và cộng đồng: Bảo tàng đã mời những người dân thuộc các cộng đồng khác nhau đến để giới thiệu về văn hoá của họ (những chương trình biểu diễn riêng như: chương trình biểu diễn rối nước diễn ra đều kỳ hàng tháng trong vòng 2 năm; những buổi trình diễn nghề thủ công đi kèm với trưng bày). Đây là những hoạt động thu hút rất nhiều du khách.

- Chương trình *nghe nhìn/thị giác*: Các phương tiện thị giác (video, âm nhạc) giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động của bảo tàng hiện đại, đặc biệt trong trưng bày nói chung. Chúng giúp cho trưng bày trở nên sinh động, hấp dẫn và người xem dễ dàng cảm thụ. Bảo tàng phải tổ chức các chương trình nghe nhìn gắn với trưng bày chuyên đề, chẳng hạn như chiếu phim (tạo ra các bộ phim mới và nghiên cứu tìm các bộ phim có nội dung gắn với chuyên đề).

- Các hoạt động *thuyết trình, hội thảo, tọa đàm* gắn liền với nội dung chủ đề của trưng bày chuyên đề.

Như vậy, với các hoạt động đa dạng và sáng tạo, bảo tàng đã chủ động tìm các giải pháp nhằm thỏa mãn những nhu cầu thưởng thức và nâng cao hiểu biết của công chúng với chất lượng cao, từ đó duy trì được công chúng thường xuyên đến bảo tàng và tiếp cận được những đối tượng công chúng mới.

Hoạt động tiếp thị:

Hoạt động tiếp thị không thể thiếu trong một bảo tàng hiện đại. Tiếp thị để tuyên truyền, quảng bá về trưng bày, về các hoạt động của bảo tàng nhằm thu hút khách và tăng uy tín của bảo tàng. Mỗi bảo tàng cần có chiến lược tiếp thị phù hợp với mục tiêu và điều kiện của mình. Có thể tiếp thị dưới nhiều hình thức như *tuyên truyền, marketing thông qua các ấn phẩm* (sách giới thiệu trưng bày, catalogue, các tờ rơi giới thiệu, các panô, áp phích, quảng cáo), hay *các hoạt động tiếp thị thông qua báo chí, truyền thông* (hoạt động tiếp thị thông qua báo chí, truyền thông giữ vai trò cực kỳ quan trọng vì nó có thể đến được với rất nhiều đối tượng công chúng và bản thân nó có sức hấp dẫn riêng). Để có được những tiếp thị qua báo chí, truyền thông có hiệu quả, bảo tàng cần:

- Chuẩn bị kỹ các thông tin cho báo chí, như: thông cáo báo chí về trưng bày, về bảo tàng và các đối tác, ảnh hiện vật.

- Tổ chức họp báo dành riêng cho báo chí trước ngày khai trương trưng bày để thông tin có thể đến được với công chúng kịp thời.

- Phát hành bản tin của bảo tàng thông báo về những hoạt động sắp tới, từ đó giúp cho công chúng lựa chọn và có kế hoạch đến thăm bảo tàng.

Cửa hàng lưu niệm:

Bảo tàng cần có nhận thức mới về vai trò của cửa hàng lưu niệm. Đó không phải là nơi cho thuê đơn thuần lấy lãi, mà là nơi để giới

thiệu các mặt hàng có liên quan tới các hiện vật hay đề tài trong trưng bày. Những món quà lưu niệm có thương hiệu của bảo tàng sẽ nhắc nhở người xem về cuộc trưng bày mà họ đã xem và về bảo tàng mà họ đã đến thăm, từ đó giúp họ có mối quan hệ thân thiết hơn đối với bảo tàng. Mục tiêu của cửa hàng lưu niệm là sự tiếp nối giáo dục văn hoá theo mục tiêu của trưng bày và kinh doanh mang lại lợi nhuận cho bảo tàng. Dĩ nhiên, hàng hoá được bán tại các cửa hàng lưu niệm này phải gắn với trưng bày của bảo tàng, phải đạt chất lượng cao, thích ứng với các nhu cầu kỷ niệm khác nhau. Uy tín của cửa hàng bảo tàng cũng chính là thương hiệu của mỗi bảo tàng.

Các dịch vụ ăn uống:

Thời gian du khách lưu lại ở bảo tàng cũng là một tiêu chí để đánh giá thành công của bảo tàng. Nếu du khách ở lại bảo tàng lâu, họ có điều kiện để xem trưng bày kỹ, đọc các bài viết trưng bày, như vậy kiến thức sẽ được nâng cao. Muốn giữ chân khách ở bảo tàng lâu hơn, bên cạnh việc tổ chức những hoạt động hấp dẫn và các điều kiện cơ sở vật chất tạo sự thoải mái cho du khách, cần có các dịch vụ phục vụ nhu cầu ăn uống của khách. Bảo tàng cần có cửa hàng cà phê, giải khát, ăn uống chất lượng cao. Đặc biệt, bảo tàng nên giới thiệu văn hoá ẩm thực gắn với trưng bày, tạo những cảm nhận bằng các giác quan và những trải nghiệm mới cho công chúng.

4- Làm thế nào để tạo ra được các hoạt động đa dạng ở bảo tàng?

Để đa dạng hoá các hoạt động, bảo tàng cần xây dựng nguồn nhân lực, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế và đa dạng hoá các nguồn tài trợ.

Học tập, đào tạo để nâng cao nhận thức, trình độ.

Bảo tàng cần nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ phù hợp với trình độ chung trong nước và quốc tế, tiến dần tới trình độ chuyên nghiệp cao để đáp ứng các nhu cầu đa dạng hoá hoạt động bảo tàng, đồng thời cần nhận thức và thực hiện:

- Tương lai một bảo tàng hiện đại phải hướng đến việc trở thành cơ sở nghiên cứu, đào tạo liên đại học, liên viện (liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học).

- Là cơ sở học tập của sinh viên.

- Là cơ sở đào tạo thực hành sau đại học: thạc sĩ và tiến sĩ.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế.



Một góc trưng bày của bảo tàng Dân tộc học - ảnh: HN

Đặc biệt là việc phát triển các dự án quốc tế để tạo điều kiện cho các cán bộ của Bảo tàng được tiếp xúc, học hỏi các chuyên gia, từ đó nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn.

Đa dạng hoá các nguồn tài trợ.

Xoá bỏ cơ chế bao cấp, cơ chế mới của thời kỳ đổi mới đòi hỏi phải tranh thủ được các nguồn vốn/kinh phí khác nhau, như:

- Tài trợ của nhà nước;
- Tài trợ của các doanh nghiệp trong nước;
- Tài trợ của các tổ chức phi chính phủ, quốc tế;
- Đóng góp của cá nhân;
- Nguồn thu từ các hoạt động của bảo tàng.

Làm thế nào tranh thủ được các nguồn tài trợ?

- Phải hiểu rõ mục tiêu của các nhà tài trợ.
- Phải đảm bảo hiệu quả, chất lượng của các dự án tài trợ về nội dung, tiến độ, tài chính...
- Giữ uy tín với các nhà tài trợ.

Kinh nghiệm của nhiều bảo tàng trên thế giới cho thấy, họ rất coi trọng lễ khai mạc dành riêng cho các nhà tài trợ. Nhà tài trợ được ưu tiên xem trước mọi cuộc trưng bày và được hướng dẫn đặc biệt. Bảo tàng cần ứng xử văn minh, tôn trọng các nhà tài trợ nhằm củng cố và mở rộng quan hệ với các nhà tài trợ.

Thực tế cho thấy, chỉ có các nguồn tài trợ phong phú chúng ta mới đủ sức để đa dạng hoá các hoạt động của bảo tàng.

Kết luận:

Đa dạng hoá các hoạt động của bảo tàng

đòi hỏi phải hướng đến công chúng với tính chuyên nghiệp cao.

Trước hết, cần có quan niệm mới về một bảo tàng hiện đại; trong đó, một vấn đề quan trọng là bảo tàng cần thoả mãn được những nhu cầu của công chúng đương đại; bảo tàng phải tham gia vào cuộc cạnh tranh với vô vàn các hoạt động khác của xã hội để lôi kéo công chúng đến với mình.

Tiếp đó, bảo tàng phải đề ra mục tiêu là hướng tới công chúng, vì công chúng và cho công chúng.

Bảo tàng phải nhận thức sâu sắc là công chúng rất đa dạng, có nhiều nhu cầu khác nhau mà bảo tàng phải đáp ứng. Bảo tàng cần quan tâm đặc biệt đến công chúng trẻ tuổi.

Bảo tàng cần phải nhận thức sâu sắc việc đổi mới các hoạt động của bảo tàng, đa dạng hoá các hoạt động của bảo tàng mà công chúng cộng đồng là trọng tâm.

Các cán bộ của bảo tàng cần có trình độ cao, chuyên môn hoá để thoả mãn các yêu cầu của việc hướng tới công chúng.

Cuối cùng, bảo tàng cần mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế và đa dạng hoá các nguồn tài trợ để có thể tổ chức những hoạt động mà bảo tàng mong muốn với chất lượng cao.

N.V.H



Thái Nguyên là một tỉnh nằm trong ATK Việt Bắc, nơi hiện đang lưu giữ nhiều dấu tích quan trọng của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đặc biệt, ATK Định Hoá được xem là Thủ đô của cuộc kháng chiến.

Bài viết này xin cung cấp thông tin về những di tích và địa điểm di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thái Nguyên. Những thông tin này có được nhờ kết quả nghiên cứu nhiều năm và là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Bộ: "Nghiên cứu nhằm định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở ATK Việt Bắc" do Bảo tàng Hồ Chí Minh thực hiện trong 2

năm (1998 - 1999).

1- Nền lán Bác Hồ ở đối Khau Tý, xóm Nà Tra, xã Điểm Mắc, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (trước cách mạng là xã Lục Rã), nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc trong thời gian từ 20-5 đến 10-11-1947.

Lán Bác Hồ ở đối Khau Tý là nơi ở và làm việc đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại ATK Định Hoá. Tại đây, Người đã cùng Trung ương Đảng, Chính phủ để ra nhiều chủ trương, chính sách, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cũng tại đây, Người đã hoàn thành tác phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc" để giáo dục và rèn luyện cán bộ, đảng viên trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và quân đội. Người đã

viết nhiều thư gửi các làng xã, các ngành. Người đã nhiều lần dự và chủ tọa những cuộc họp của Hội đồng Chính phủ. Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp thường xuyên đến làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2- Lán Bác Hồ tại đối Khâu Goại, Xóm Nà Chài, xã Điểm Mắc (trước cách mạng là xã Lục Rã), huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ (từ 1947 - 1952). Tại đối Khâu Goại, đã diễn ra nhiều Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

3- Hội trường tại đối Khâu Goại, xóm Nà Chài, xã Điểm Mắc (trước cách mạng là xã

Lục Rã), huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, thường đến họp và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng từ năm 1948 đến tháng 2-1952.

Đôi Khâu Goại và một số nhà dân xóm Nà Chài là nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương như Quốc hội, Mặt trận, Tuyên huấn. Có lần Bác Hồ đã tổ chức lửa trại, nói chuyện về cuộc kháng chiến và văn nghệ với các cán bộ và chiến sĩ.

4- Lán Bác Hồ tại đôi Khuôn Tát, xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc trong 3 thời gian khác nhau:

- Lần thứ I: Từ ngày 20-11 đến ngày 28-11-1947.

- Lần thứ II: Từ ngày 11-1 đến 7-3-1948.

- Lần thứ III: Từ ngày 5-4 đến 1-5-1948.

Những ngày ở đây, Người đã viết nhiều tài liệu chỉ đạo các hoạt động củng cố chính quyền, củng cố hậu phương, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị thay đổi cục diện chiến trường chống Pháp. Cũng tại đây, Bác Hồ và Quốc hội đã tổ chức Lễ phong quân hàm cấp tướng cho 10 cán bộ cao cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam, trong đó có đồng chí Võ Nguyên Giáp (được phong quân hàm Đại tướng).

5- Nền lán Bác Hồ tại đôi Tỉn Keo, xóm Nà Lọm, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đôi Tỉn Keo còn có tên gọi là chân đèo De hoặc Khuôn

Tát ngoài. Nơi đây, từ năm 1948 đến năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc nhiều lần:

Tại đây, các đồng chí lãnh đạo cao cấp thường xuyên đến làm việc với Bác Hồ. ở đây cũng diễn ra nhiều cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng. Đặc biệt, vào đêm 6-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng thông qua để án chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ.

6- Trại nhi đồng ở xóm Nà Lọm, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại đây từ ngày 1-5 đến 25-5-1948.

Theo gợi ý của Bác Hồ, Văn phòng Chính phủ đã tập hợp khoảng 100 thiếu niên, nhi đồng, gồm các cháu mồ côi, con em cán bộ ở cả miền xuôi và miền núi, tổ chức lớp học văn hoá và rèn luyện. Từ ngày 1-5 đến 25-5-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở tại trại này, vừa làm việc, vừa giáo dục và giúp đỡ các cháu. Sau khi thực dân Pháp ném bom xã Phú Đình, các cháu phải sơ tán đi chỗ khác và nhiều em đã được vào trường Thiếu sinh quân.

7- Nhà ông Ma Tử Vượng ở xóm Sơn Vinh, xã Sơn Phú, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc 2 ngày 18 và 19-11-1947. Trước khi chuyển địa điểm từ Điểm Mắc huyện Định Hoá đến huyện Võ Nhai, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng một số đồng chí đã đến ở nhà ông Ma Tử Vượng. Tại đây, để đảm bảo bí mật, Bác

thường ra nghỉ trưa và làm việc ở tầng đá cách nhà ông Ma Tử Vượng 150m.

8- Đôi Nà Tà ở xóm Sơn Vinh, xã Sơn Phú, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi cất giấu xe ô tô của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ 20-5-1947 đến cuối năm 1948.

Nơi cất giấu xe ô tô của Bác do đồng chí Nền, người lái xe cho Bác, phụ trách. Vào cuối năm 1948, được sự đồng ý của Bác Hồ, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã cho tháo máy xe ô tô chạy lấy điện phục vụ cho ATK.

9- Hội trường tại đôi Thẩm Chạm, xóm Sơn Đầu, xã Sơn Phú, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Bác Hồ thường đến họp và gặp gỡ các nhân sĩ trí thức từ năm 1947 đến 1953.

Hội trường đôi Thẩm Chạm là nơi làm việc và hội họp của Quốc hội và Mặt trận. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác Hồ đã nhiều lần đến Hội trường này để dự họp, làm việc và gặp gỡ các nhân sĩ trí thức.

10- Nhà ông Ma Đình Sinh, xóm Sơn Đầu, xã Sơn Phú, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nghỉ khi về dự và chủ trì Hội nghị từ năm 1949 đến 1953.

huy quân đội về việc triển khai kế hoạch tác chiến và Chiến dịch Biên giới 1950.

12- Nhà ông Ma Đình Tương, xóm Đồng Chùa, xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc từ ngày 12 đến 20-11-1951, trong lần đi công tác giải thích thuế nông nghiệp và điều lệ Đảng Lao động Việt Nam. Ông Ma Đình Tương lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Định Hoá.

13- Chùa Hang, thuộc xóm Đồng Chùa, xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc từ 21-11 đến 25-11-1951.

Sau chiến dịch Biên giới năm 1950, đặc biệt là sau Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng tháng (2-1951), để động viên cán bộ đảng viên, quân dân chính đảng tập trung toàn lực đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi nhiều nơi, đặc biệt là các vùng trọng điểm của ATK, để chỉ đạo tổng kết chiến dịch Biên giới, phổ biến cương lĩnh, văn kiện, điều lệ Đảng và chính sách thuế nông nghiệp. Sau khi ở nhà ông Ma Đình Tương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về ở và làm việc trong Chùa Hang từ ngày 21-11 đến 25-11-1951.

14- Trường Đảng Nguyễn ái Quốc, ở làng Luông, xã Bình Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh thường đến giảng bài năm 1947.

Để đào tạo cán bộ trung cao cấp của Đảng và Nhà nước, Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định mở trường Đảng tại làng Luông, xã Bình

Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, lấy tên là trường Đảng Nguyễn ái Quốc, để đào tạo cán bộ lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Phạm Văn Đồng thường xuyên đến giảng bài.

15- Nhà ông Lô Đức Lệnh, xóm Khuôn Nhà, xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghỉ chân trên đường đi công tác, năm 1950.

16- Đình Làng Mỗ, xã Trung Hội, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự và phát biểu ý kiến với Hội nghị phổ biến chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Nhà nước.

17- Hội trường Cục Quân nhu, làng Dậu, xã Phú Tiến, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và trực tiếp phổ biến Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam, tháng 11-1951.

18- Hội trường Bộ Tổng tham mưu quân đội, xóm Khẩu Hấu, xã Trung Lương, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh thường đến nghe báo cáo và bàn kế hoạch tác chiến từ năm 1950 đến năm 1952. Nơi đây đã diễn ra Hội nghị tuyên dương anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc. Bác Hồ đã đến dự và nói chuyện với Hội nghị.

19- Hầm đại tướng Võ Nguyên Giáp, xóm Khâu Quắc, xã Thanh Định, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến làm việc với các tướng lĩnh, đầu năm 1954.

Sau khi Bác Hồ và Thường

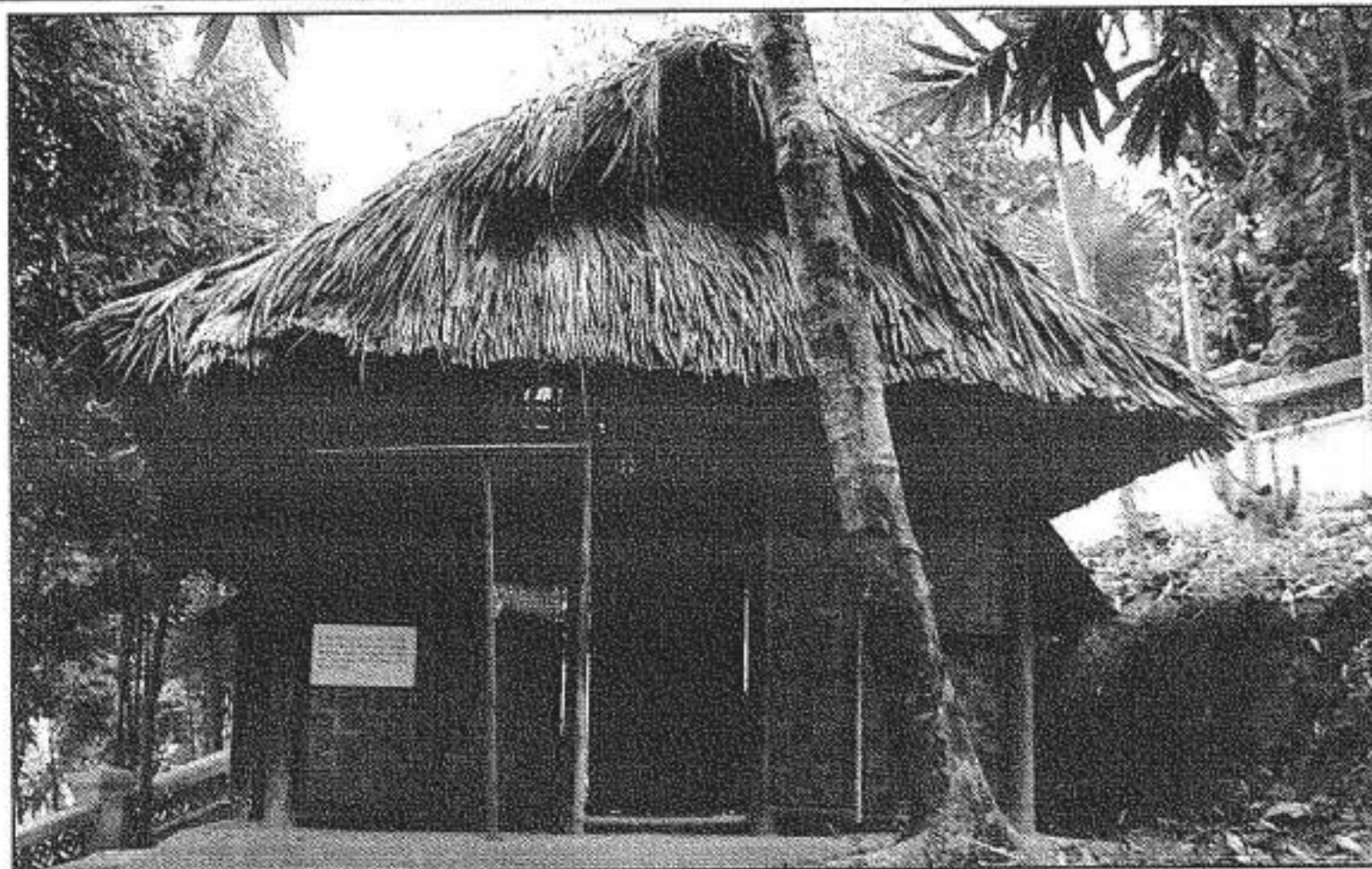
vụ trung ương phê duyệt kế hoạch tác chiến Điện Biên Phủ, Bộ Tham mưu và các tướng lĩnh chuyển về xã Thanh Định bàn kế hoạch cụ thể và xây dựng trận địa cho bộ đội tập luyện. Tại căn hầm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bác Hồ đã đến nghe báo cáo và bàn với các tướng lĩnh kế hoạch tác chiến tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

20- Lán Bác Hồ, xóm Khâu Quắc, xã Thanh Định, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở trong thời gian làm việc với các tướng lĩnh về kế hoạch tác chiến Điện Biên Phủ, cuối năm 1953 đầu 1954. Chiếc lán này nguyên là lán của đồng chí Văn Tiến Dũng, khi Bác Hồ đến đã ở lán này, đồng chí Văn Tiến Dũng tạm thời chuyển đi ở nơi khác.

21- Nhà ông Đàm Văn Sắc, xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghé thăm và nói chuyện với cuộc họp tổ đảng thôn Nà Chế, tháng 10-1947.

Sau khi được tin thực dân Pháp sẽ ném bom Định Hoá, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuyển địa điểm từ xã Sơn Phú, huyện Định Hoá đến huyện Võ Nhai. Trên đường đến địa điểm mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghé thăm và nói chuyện với cuộc họp tổ đảng thôn Nà Chế (tại nhà ông Sắc). Người đã nghỉ lại một đêm tại đây.

22- Cây Loọng, xóm Nhân, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 10-1947, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn cán bộ cùng đi, trên đường đến huyện Võ Nhai, đã dừng chân nghỉ ăn



Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Tien Keo, Thái Nguyên - Ảnh: H.N

cơm trưa tại đây.

23- Nhà ông Nguyễn Văn Đắc, xóm Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nơi Bác Hồ ở và làm việc trong thời gian 10 ngày, khoảng từ ngày 6 đến 15-10-1947, để tiếp tục chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp.

24- Lán Bác Hồ ở xóm Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nơi Bác Hồ ở và làm việc từ ngày 15-10 đến 17-10-1947. Sau khi ở nhà ông Nguyễn Văn Đắc, để đảm bảo bí mật, Bác Hồ đã chuyển đến ở lán này (trên đồi Rừng Là Ghè).

25- Nhà ông Lâm Thành Thái, xóm Hái Hoa, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường từ Cao Bằng về Tân Trào để chỉ đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng, ngày 17-5-1945, đã nghỉ chữa bệnh.

26- Địa điểm di tích Bác Hồ nói chuyện với cán bộ

làm công tác thuế nông nghiệp và công nhân làm đường tại **Lũng Lươn**, ngày 20-9-1949, xóm Tân Long, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

27- Đình Kẽm, xóm Kẽm, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự Hội nghị triển khai thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của huyện Phú Lương ngày 5-1-1951 và giải thích chính sách thuế nông nghiệp.

28- Trạm giao tế Trung ương, xóm Yên Phú, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đầu năm 1951, trên đường đi công tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với các bác sĩ, y tá, nhân viên phục vụ và nghỉ lại tại nhà khách của Trạm giao tế của Trung ương Đảng.

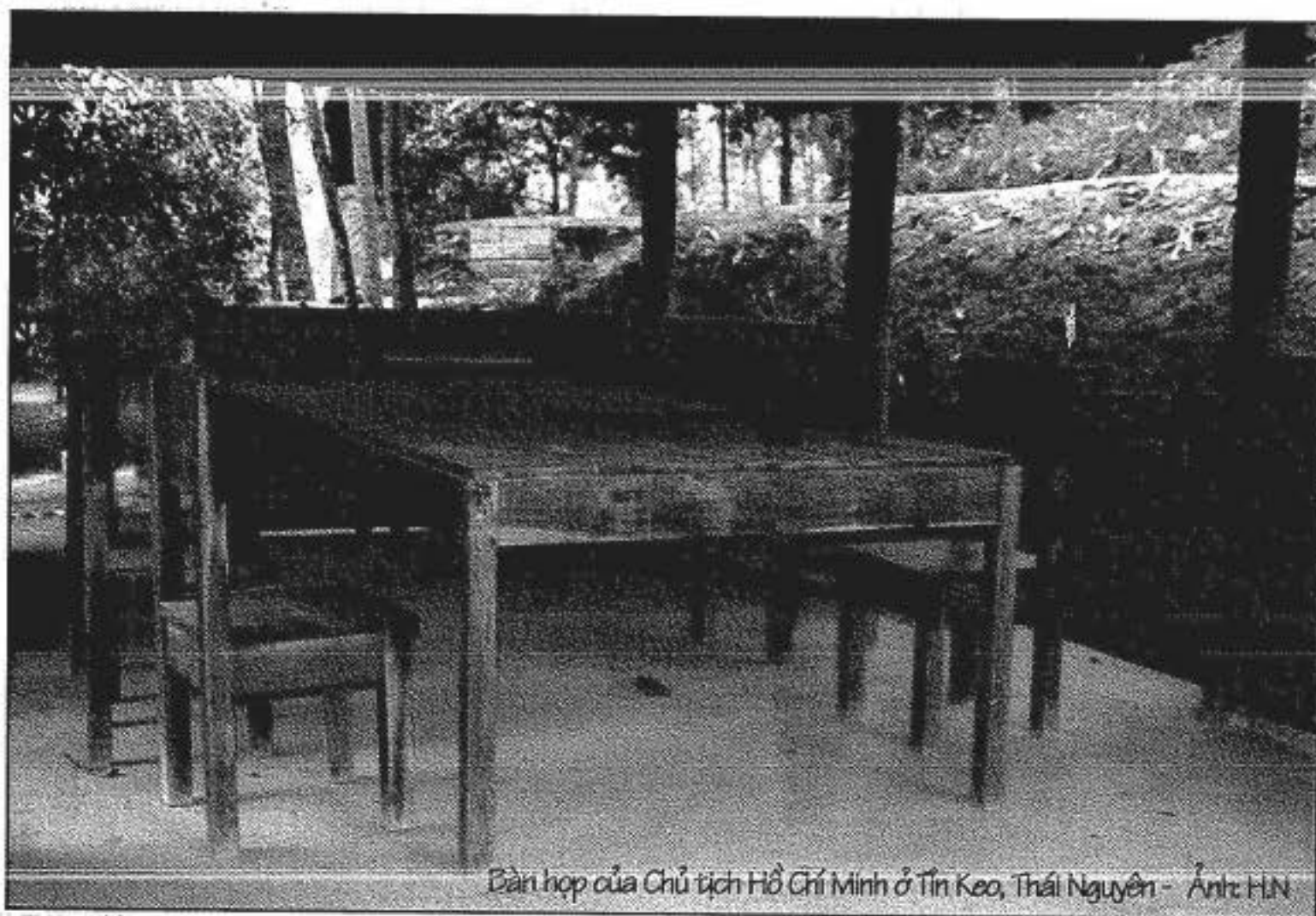
29- Hội trường Cục Hậu cần, xóm Khuôn Lâu, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tại Hội trường

này, đầu năm 1952, đã diễn ra Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ II. Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến dự và nói chuyện, động viên, biểu dương, khen thưởng các đại biểu và các anh hùng chiến sĩ thi đua về dự Đại hội.

30- Đền Long Giản, xóm Long Giản, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 10-1947, trên đường di chuyển địa điểm từ huyện Định Hoá đến huyện Võ Nhai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghỉ chân và thắp hương ở đền.

31- Nhà bà Tạc Thị Tình, xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 8-1945, trên đường từ Tân Trào về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đoàn công tác đã nghỉ tại nhà bà Tạc Thị Tình.

32- Đình làng Cướm (tức làng Lưu Quang), xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cuối năm 1949, tại



Đàn hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Tín Kèo, Thái Nguyên - Ảnh HN

đình làng Cướm, đã diễn ra Hội nghị của Thường vụ Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và chủ trì Hội nghị.

33- Lán Bác Hồ ở xóm Khuổi Rịa, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc trong thời gian diễn ra Hội nghị Thường vụ Trung ương ở đình làng Cướm, cuối năm 1949.

34- Nhà ông Nguyễn Văn Chung, xóm Đồng Mãng, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cuối năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh về xã Yên Lãng thăm và nói chuyện với dân công làm đường tránh Đèo Khế tại khu rừng Mạ Mải, xóm Đồng Chung. Trước khi nói chuyện với dân công, Bác đã nghỉ tại nhà ông Chung.

35- Khu đoàn uỷ ở xóm Nà Phác, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Trong những năm 1953 - 1954, xóm Nà Phác được chọn làm nơi đặt trụ sở của Khu đoàn uỷ cải cách ruộng đất Trung ương, nơi đào tạo đội ngũ cán bộ cải cách ruộng đất đầu tiên của cả nước, huấn luyện cán bộ về tiếp quản Thủ đô. Bác Hồ đã đến nói chuyện với cán bộ và học viên tại đây 5 lần.

36- Đồi Thành Trúc, xóm Đồng Mu, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 9-1954, trên đường về Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn cán bộ cùng đi đã nghỉ chân tại đồi Thành Trúc, sau đó vào nghỉ tại Văn phòng của Bộ Canh nông.

37- Xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 30-9-1954, sau khi tổng kết cải cách ruộng đất đợt I ở Thái Nguyên, Bác đi thăm nông dân xã Hùng Sơn, động viên bà con đoàn kết tích cực

sản xuất, tiết kiệm, thực hiện tốt chính sách cải cách ruộng đất.

38- Xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 14-9-1954, Bác đến thăm bà con nông dân xã Phục Linh. Bác căn dặn cán bộ, nhân dân đoàn kết, nhanh chóng khôi phục sản xuất, thực hiện tốt chính sách cải cách ruộng đất.

39- Đập nước Thác Luống, thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 25-1-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm công trình khôi phục cầu Phủ Lạng Thương (Bắc Giang), thăm công trường khôi phục đập nước Thác Luống và nhân dân xã Cam Gia, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

40- Thôn Cầu Thành, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 20-3-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nông dân hợp tác xã Cầu Thành, sau đó thăm trạm bơm

Lữ Yên ở xã Yên Tĩnh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

41- Khu gang thép Thái Nguyên thuộc thành phố Thái Nguyên, được vinh dự đón Bác về thăm 2 lần:

Lần thứ I: Ngày 8-6-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trường xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên và bộ đội đoàn Sông Lô.

Lần thứ II: Ngày 1-1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với đồng bào Thái Nguyên và công nhân khu gang thép. Sau khi khen ngợi những thành tích và chỉ rõ những thiếu sót cần khắc phục, Người nêu lên 10 điều mà cán bộ và công nhân phải thực hiện tốt. Người nhấn mạnh: Để làm ra gang thép tốt thì người công nhân và cán bộ phải tôi luyện tinh thần cách mạng, lập trường giai cấp và ý thức làm chủ cho cứng rắn như thép như gang. Nhất là cán bộ, đảng viên và đoàn viên phải làm như vậy.

42- Địa điểm Đoàn Sông Lô đóng quân ở thành phố

Thái Nguyên: Ngày 8-6-1959, khi về thăm Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm bộ đội đoàn sông Lô.

43- Địa điểm Sư đoàn 312 đóng quân ở thành phố Thái Nguyên: Ngày 1-1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và chúc tết bộ đội.

44- Nhà máy điện Cao Ngạn, phố Quán Triều, thành phố Thái Nguyên. Ngày 1-1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và chúc tết.

45- Bảo tàng Khu tự trị Việt Bắc, (nay là Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam), thành phố Thái Nguyên: Ngày 1-1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và chúc tết.

46- Trường Dân tộc vừa học vừa làm thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 31-12-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Trường. Nói chuyện với các thầy cô giáo và học sinh, Người căn dặn: học phải đi đôi với thực hành, phải đoàn kết, dạy tốt, học tốt, sau khi ra trường đóng góp được

nhiều cho Tổ quốc.

47- Trụ sở Khu uỷ Việt Bắc, ở thành phố Thái Nguyên, đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhiều lần trong những năm 1956, 1959. Ngày 13-3-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với nhân dân Thái Nguyên ở Trụ sở Khu uỷ Việt Bắc, Bác căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cách mạng, ngoài lợi ích của nhân dân và giai cấp công nhân, Đảng ta không còn lợi ích nào khác.

Trong thời kỳ kháng chiến, Đảng ta lãnh đạo nhân dân đánh giặc cứu nước. Ngày nay Đảng ta lãnh đạo nhân dân xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Cho nên đảng viên nào sản xuất và lãnh đạo sản xuất tốt, tức là đảng viên tốt. Đảng viên nào sản xuất và lãnh đạo sản xuất không tốt, tức là đảng viên kém".

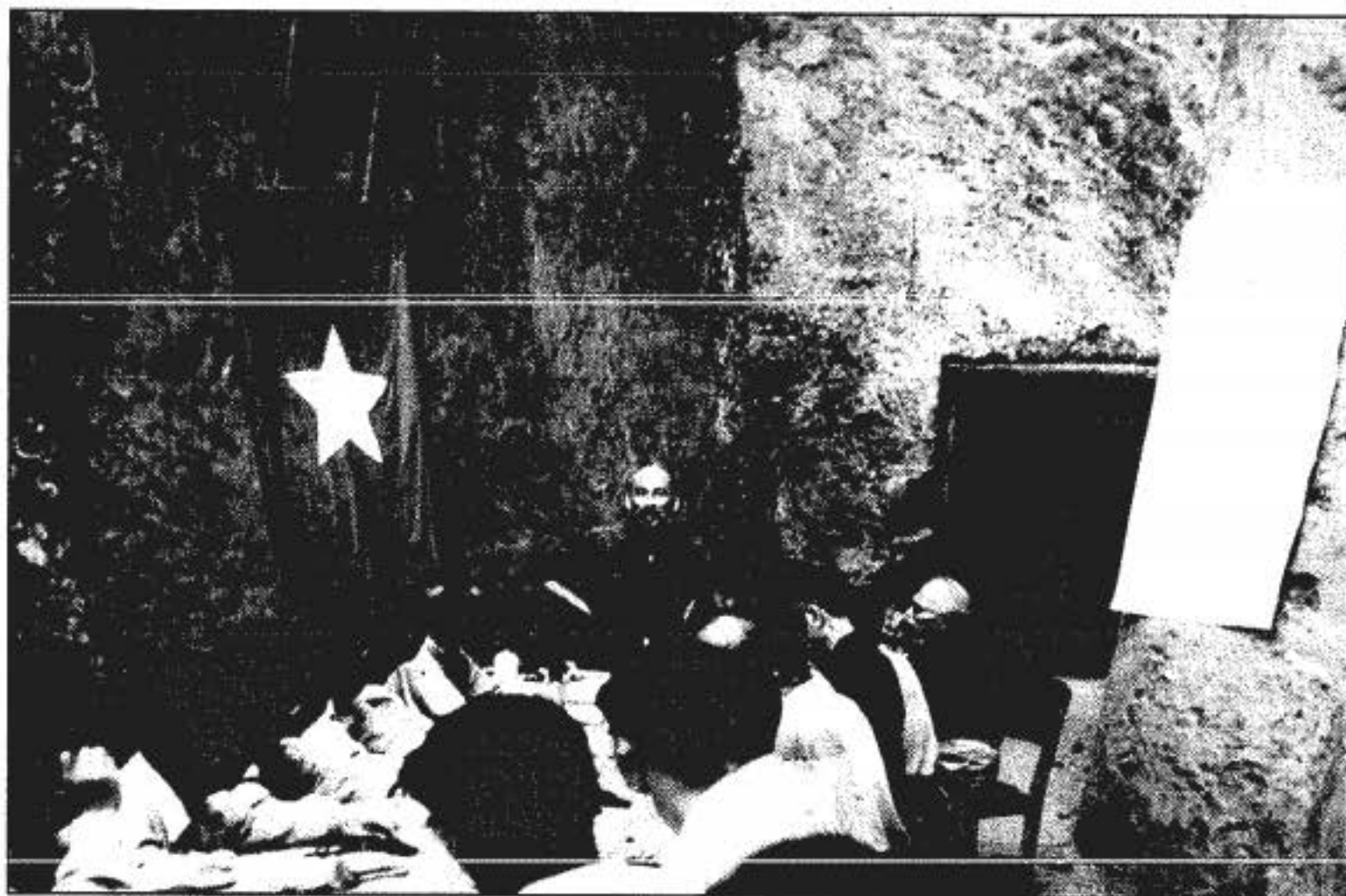
N.T.M



CẦN CÓ CÁCH NHÌN LỊCH SỬ TRONG VIỆC BẢO TỒN TÔN TẠO KHU DI TÍCH

Điện Biên Phủ

ĐỖ ĐỨC HÌNH *



Bộ chính trị họp quyết định chiến dịch Điện Biên Phủ - Ảnh: Tư liệu di tích chủ tịch Hồ Chí Minh

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử của dân tộc ta và của loài người tiến bộ. Điện Biên Phủ đã trở thành một địa danh, một tên gọi thiêng liêng, một sự kiện, một vấn đề... được nhiều người quan tâm đến và ngưỡng mộ. Điện Biên Phủ đã là một đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực sử học, văn học, nghệ thuật, quân sự. Điện Biên Phủ đã, đang và sẽ còn là một vấn đề hết sức nóng bỏng, thậm chí là bức xúc cho công tác bảo tồn bảo tàng. Song, việc bảo tồn tôn tạo khu di tích có một không hai này như thế nào? Về nội dung

này, chúng tôi xin nêu mấy ý kiến sau đây:

Một là: Cần đặt di tích Điện Biên Phủ đúng với tầm vóc và ý nghĩa lịch sử to lớn của nó để có một chương trình bảo tồn và tôn tạo thích đáng. Chúng ta đều biết chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ mang ý nghĩa cực kỳ vĩ đại của dân tộc ta sau 9 năm trường kỳ gian khổ với tinh thần quyết chiến quyết thắng. Đó là chiến thắng của cả 1 dân tộc chiến đấu vì độc lập dân tộc chống lại sự xâm lược của chủ nghĩa thực

* PHÓ GIÁM ĐỐC KHU DI TÍCH CT HỒ CHÍ MINH

dân Pháp và can thiệp Mỹ, là chiến thắng "vang dội 5 Châu, chấn động địa cầu", đã làm nên "thiên sử vàng" như nhà thơ Tố Hữu đã viết. Hơn thế, chiến thắng Điện Biên Phủ còn là chiến thắng của các dân tộc bị áp bức chống lại sự nô dịch dân tộc và áp bức giai cấp. Và, đó là phát đại bác tấn công vào chủ nghĩa thực dân cũ và làm sụp đổ nó trên phạm vi thế giới, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trên Báo Cứu quốc, số 2613: "Trận Biên giới làm cho cả nước Pháp xôn xao, còn trận Điện Biên Phủ đã làm cho cả thế giới xôn xao". Với tầm vóc và ý nghĩa lịch sử có tính thời đại như vậy, thì việc bảo tồn và tôn tạo khu di tích này không chỉ là một dự án đơn thuần được, trên thực tế di tích Điện Biên Phủ là tập hợp của nhiều khu di tích hợp thành. Do vậy vấn đề bảo tồn cần thống nhất quan điểm trong quy hoạch là quy hoạch theo từng khu di tích, để tạo ra một tập hợp khu di tích liên hoàn. Ví dụ khu di tích Mường Thanh, khu di tích Hồng Cúm, khu di tích Him Lam... khu di tích Mường Phăng, khu di tích các trận địa pháo... Với quan điểm, quy hoạch này chúng ta sẽ khắc phục được hiện tượng chỉ chú ý quy hoạch một số di tích chính hoặc quy hoạch theo kiểu "tuỳ tiện biện lẽ". Theo chúng tôi với cách nhìn hiện nay, vô hình chung, chúng ta vừa tự mình loại bỏ mất khá nhiều di tích quan trọng có ý nghĩa lịch sử lớn, vừa chia cắt các khu di tích, làm mất đi tính nguyên trạng, mất đi cảnh quan môi trường của di tích, điều đặc biệt có ý nghĩa đối với các di tích ngoài trời như Điện Biên Phủ. Nếu chỉ có hầm Đờ Cát, đồi A1 hay đồi D1 và một số điểm di tích nhỏ lẻ khác thì không thể nào nói hết được tầm vóc của chiến dịch Điện Biên Phủ và ý nghĩa thời đại của nó. Mặt khác, cần có cách nhìn lịch sử, nghĩa là hiểu đúng được tầm vóc và ý nghĩa của di tích mới đảm bảo được các yếu tố khoa học, bảo đảm cho di tích không bị xâm hại, không bị cuộc sống hiện đại với tốc độ xây dựng vừa có quy hoạch vừa tự phát (chỉ thấy lợi ích trước mắt mà không thấy quá khứ và giá trị đặc biệt của quá khứ đối với tương lai) làm cho việc bảo tồn di tích trở nên mất chỗ dựa để tồn tại. Và, nếu cứ như vậy thì chẳng bao lâu nữa di tích Điện Biên Phủ sẽ chỉ còn lại một số di tích đơn lẻ bị bao vây bởi công trình hiện đại xa lạ, không còn cảnh quan vốn có, mất đi môi trường tồn tại lịch sử của nó. Người đời sau đến Điện Biên Phủ làm sao hiểu nổi sức mạnh của một dân tộc,

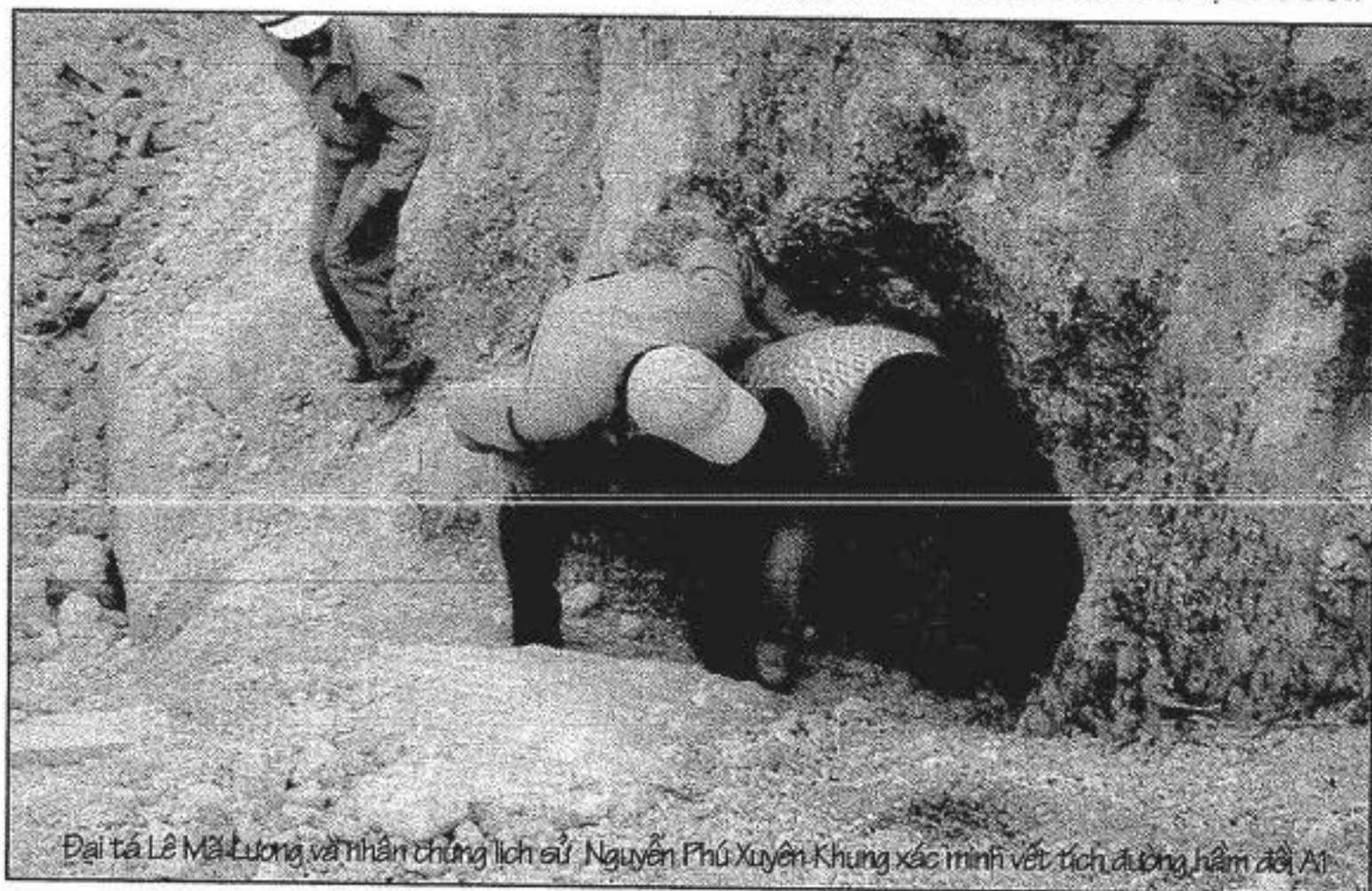
làm sao hiểu nổi tầm vóc và chất anh hùng ca của di tích cỡ tầm thế giới này, và có thể chỉ hiểu lơ mơ rằng ở Điện Biên Phủ có hầm Đờ Cát có một viên bại tướng người Pháp nào đó mà thôi (!)

Hai là: Cần đặt di tích Điện Biên Phủ dưới góc độ là nơi đưng dấu lịch sử, là một trận quyết chiến chiến lược, là nơi minh chứng cho nghệ thuật quân sự Việt Nam, cho sức mạnh của chiến tranh nhân dân, là sự thành công của lối đánh, cách đánh Việt Nam, của tư duy chiến thuật và chiến dịch Việt Nam. Là sự kết hợp giữa truyền thống "lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều", với chiến tranh hiện đại như bao vây công đồn, như phối hợp quân binh chủng, như cách đánh cứ điểm và tập đoàn cứ điểm, như xây dựng lực lượng vũ trang chính quy hiện đại kết hợp các yếu tố hậu cần chiến dịch, công tác chính trị, công tác hậu phương quân đội và trình độ tác chiến cao. Do đó vấn đề tôn tạo di tích Điện Biên Phủ rất cần phải có một quan điểm lịch sử là tôn trọng khách quan, đồng bộ và đặc biệt là các nguyên tắc tôn tạo một di tích ngoài trời, tránh việc tuỳ tiện lược bỏ các yếu tố "phụ", chính là các yếu tố môi trường..., điều đó sẽ làm mất đi các mối liên hệ biện chứng tự nhiên của chính di tích. Đặc biệt là phải kiên quyết tránh việc "hiện đại hoá lịch sử" trong quá trình bảo tồn và tôn tạo, để làm sao trở lại Điện Biên Phủ người ta còn thấy được cảnh tượng của "56 ngày đêm khoét núi ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt" của "máu trộn bùn non" của Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn bánh pháo, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, La Văn Cầu chặt cánh tay mình xông tới..., chứ không thể chỉ thấy một số đoạn đường giao thông hào được bê tông hoá hay một số chỉ huy sở đã được sửa chữa thành một sa lon, chỉ thiếu máy điều hoà nhiệt độ. Mặt khác, việc tôn tạo di tích Điện Biên Phủ cần phải có thái độ rất dút khoát giữa bảo tồn di tích, cái cần phải được tôn trọng và giữ gìn một cách nghiêm ngặt, với việc xây cất bổ sung các thành phần khác như tượng đài, nhà bảo tàng... chúng ta không phản đối việc cần phải có những thành phần bổ sung cho di tích, nhưng việc lựa chọn địa điểm loại hình, quy mô và các yếu tố thẩm mỹ khác là rất quan trọng. Bởi vì các công trình tượng đài, nhà trưng bày hay một số hình thức tưởng niệm khác dù chủ đề tư tưởng có tốt, giá trị nghệ thuật có cao mấy thì cũng không thể thay thế

Phục hồi tôn tạo khu di tích lịch sử Điện Biên Phủ

Một lưu ý mới: Khảo cổ học

VŨ QUỐC HIỀN - LÊ MÃ LƯƠNG - PHẠM VŨ SƠN



Đại tá Lê Mã Lương và nhân chứng lịch sử Nguyễn Phú Xuyên Khung xác minh vết tích đường hầm đối A1

1. Khu di tích lịch sử Điện Biên Phủ là một quần thể bao gồm nhiều di tích quan trọng đã được xếp hạng cấp quốc gia như: sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ của ta ở Mường Phăng, sở chỉ huy của địch ở Mường Thanh, cứ điểm đối A1, cứ điểm đối Him Lam,... đang được khẩn trương, phục hồi tôn tạo trong khuôn khổ của một dự án lớn tầm cỡ quốc gia nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Không phải đến năm nay, di tích Điện Biên Phủ mới được quan tâm phục hồi tôn tạo mà, với tầm vóc đặc biệt của mình, khu di tích đã được lưu ý bảo vệ và phát huy từ cuối những năm 50 của thế kỷ trước. Một tấm biển ghi sự tích, cửa hầm và một đoạn hầm của đường hầm mà các chiến sĩ Điện Biên đã đào để đặt khối bộc phá khổng lồ tại đối A1, được các cán bộ phòng Bảo tàng Điện Biên Phủ, Ty Văn hóa Lai Châu phục hồi từ năm 1959, đã minh chứng

cho điều đó. Đến những năm chấn kỷ niệm chiến thắng Điện Biên (1984, 1994), hầu như tất cả các di tích quan trọng ở Điện Biên Phủ đều được trùng tu, tôn tạo ở các mức độ khác nhau. Do hạn chế nhiều mặt tại thời điểm diễn ra công việc trùng tu, tôn tạo, nên hoạt động này đã có những sai sót đáng tiếc cần phải khắc phục. Chính vì vậy, một trong những yêu cầu hàng đầu được đặt ra trong dự án phục hồi tôn tạo khu di tích lịch sử Điện Biên Phủ lần này là phải bảo đảm tính chân xác, khoa học, tôn trọng lịch sử trong việc phục hồi, tôn tạo các di tích.

2. Chiến thắng Điện Biên "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" diễn ra vừa tròn 50 năm. Các chiến sĩ Điện Biên năm xưa - những nhân chứng lịch sử, hôm nay đa phần ở tuổi 70, nhưng ký ức Điện Biên còn rất sâu đậm trong tâm trí, vẫn đầy nhiệt huyết sẵn sàng tham gia xác định lại các vị trí năm xưa mình đã từng

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG VƯƠNG

một di sản văn hoá dân tộc đặc sắc

TRẦN KIM THAU*

Việt Nam có những truyền thống vô cùng tốt đẹp, được hình thành và vun đắp ngày càng bền vững trong nhân dân. Một trong những truyền thống ấy là ân nghĩa thuỷ chung, là uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây... Người Việt Nam ai cũng biết tổ tiên mình là Vua Hùng, và câu ca đã ăn sâu vào tâm thức của mỗi người:

"Dù ai đi ngược về xuôi.

Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba"

Trẩy hội Đền Hùng - Giỗ Tổ Hùng Vương ngày mồng mười tháng ba (âm lịch) hàng năm đã trở thành ý thức, tình cảm cao nhất khi tâm tư mỗi người dân Việt hướng về tổ tiên cội nguồn của mình. Ngày này đã như trở thành lời nhắc nhở, tiếng thúc giục hàng triệu con tim khối óc già trẻ, gái trai, cả những người con xa quê đang sinh sống ở nước ngoài, cùng ngưỡng vọng về đất Tổ. Mỗi một lần vào dịp đó, cả nước đã hướng về di tích lịch sử - đền thờ các Vua Hùng, trung tâm của cố đô nước Văn Lang (Hy Cương, Lâm Thao, Phú Thọ). Nơi ấy, đã được coi là một điểm hội tụ, biểu tượng cho ý chí và tinh thần của cộng đồng dân tộc, cho truyền thống đoàn kết, cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động xây dựng đất nước, đấu tranh kiên cường bảo vệ quê hương... Ngày giỗ tổ Hùng Vương còn là một hiện tượng lịch sử - văn hoá độc đáo và

hiếm có so với nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Không ở đâu có di tích truyền đời thiêng liêng, bền vững và sống động như Đền Hùng. Sử sách và ký ức dân gian cho biết, hàng ngàn năm qua, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã hết sức quan tâm giữ gìn, tu bổ di tích này: Hai Bà Trưng đã tổ chức lễ tổ tiên ở đây; các Vua thời Lý, Trần cho mở mang xây dựng đền miếu, viết ngọc phả; thời Lê đã có sắc phong cho làng Cổ Tích - xã Hy Cương là "dân trưởng tạo lệ", được miễn thuế khoá về ruộng đất và cho soạn ngọc phả... Trong những năm nửa cuối thế kỷ XX, Đền Hùng được Nhà nước và nhân dân tu sửa, tôn tạo nhiều hạng mục công trình như: khu công quán (làm năm 1962), công trình làm đường, trồng cây vào khu di tích trong các năm 1979 - 1980, công trình điện nước (1980-1984), công trình nhà bảo tàng Hùng Vương (được nghiên cứu đề xuất năm 1977, năm 1986 đã được xây dựng) nhằm phục vụ nhân dân về thăm Đền Hùng. Trong khoảng 10 năm qua, nhiều hạng mục khác trong khu di tích đã được sửa sang, tôn tạo nhằm phục vụ lễ hội, đó là: Trung tâm lễ hội, đường hành hương, hồ Gò Cong, vườn Quốc gia Đền Hùng, bãi đỗ xe... và nổi lên là đền Mẫu Âu

* PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÚ THỌ

Cơ trên núi Vặn.

Hiện nay, tỉnh Phú Thọ luôn quan tâm tìm phương án tối ưu nhằm bảo vệ và phát huy giá trị khu di tích Đền Hùng một cách tốt nhất, hiệu quả nhất: tổ chức nhiều hội thảo khoa học về Đền (có sự tham gia, phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Bảo tồn di tích, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia; Trường đại học Kiến trúc Hà Nội và các cơ quan của Bộ Văn hoá-Thông tin...), xây dựng kịch bản lễ hội Đền Hùng vào những năm chẵn theo nghi thức quốc gia, tổ chức sưu tầm các hiện vật liên quan tới thời Hùng Vương để làm phong phú thêm bộ sưu tập hiện vật về thời đại này, nhằm trưng bày trong nhà bảo tàng Hùng Vương... Đặc biệt, nội dung và quy mô của lễ hội ngày 10-3 này đã được xác định theo định hướng là đưa ngày giỗ Tổ trở thành ngày Quốc lễ và lễ hội Đền Hùng trở thành một trọng điểm sinh hoạt văn hoá thiêng liêng... đồng thời với tinh thần đưa hệ thống di tích Đền Hùng thành một trung tâm văn hoá của cộng đồng dân tộc đặc sắc, gồm:

- Các hoạt động trưng bày bảo tàng, các di tích, di vật thời đại Hùng Vương;

- Các hội thi khéo tay dân gian truyền thống (nấu cơm thi, giã bánh dày, gói bánh chưng, ném còn...).

- Các diễn xướng văn nghệ dân gian (hát Xoan, Ghẹo).

- Các trò chơi dân gian: chọi gà, đu tiên, đốt pháo bông, đấu vật, bắn cung, ném lao...

Những hoạt động trên đây đều nhằm xây dựng một mô hình "sống" về vùng văn hoá dân tộc đặc sắc, hàm chứa và chuyển tải ý nghĩa lịch sử, văn hoá, xã hội của ngày

giỗ Tổ Hùng Vương.

Thực tế hiện nay, lễ hội Đền Hùng, theo góc nhìn mô hình hoá, có thể thấy rõ có 3 vòng:

- Vòng 1 (ở trung tâm): Nghi lễ thiêng liêng, tưởng nhớ tới tổ tiên dân tộc.

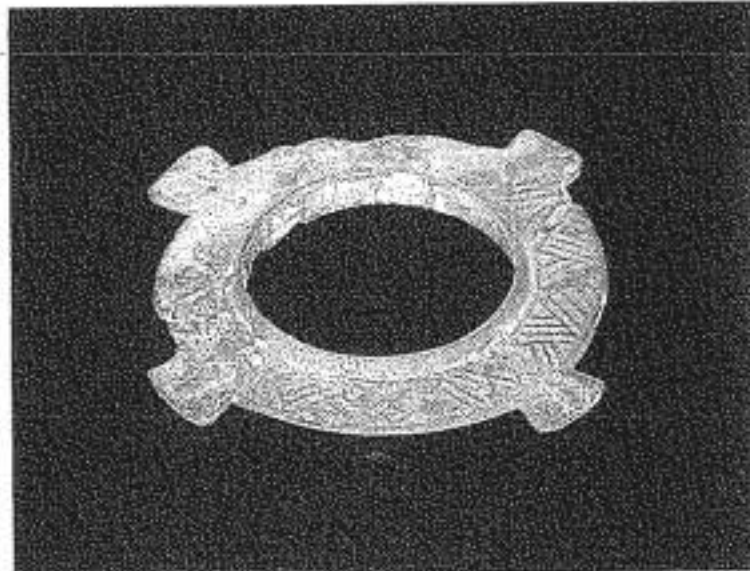
- Vòng 2 (ở giữa): các sinh hoạt văn hoá truyền thống.

- Vòng 3 (ở ngoài) sinh hoạt nghệ thuật mới (nhưng vòng 2 và vòng 3 đan xen với nhau tạo nên màu sắc hài hoà giữa truyền thống và hiện đại).

Với những nội dung và quy mô như thế, lễ hội Đền Hùng, luôn là sự tiếp nối sống động mà thiêng liêng về mạch nguồn truyền thống. Lễ hội này không chỉ dừng lại với việc trẩy hội, du xuân đơn thuần, mà chính là ngày con cháu khắp mọi miền cùng nhau quy tụ và hướng về chốn tổ, thành kính dâng nén tâm nhang lên những người đã có công dựng nước.

Thông qua các hoạt động lễ hội Đền Hùng như vậy, những người đi trẩy hội sẽ được hoà mình vào trong giá trị đích thực của tinh thần truyền thống dân tộc tốt đẹp để từ đó tạo nên một ý thức cao hơn là cùng nhau đoàn kết xây dựng quê hương, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc. Trong quá trình hội nhập và phát triển hiện nay, tỉnh Phú Thọ đang từng bước đưa lễ hội Đền Hùng trở thành một lễ hội văn hoá truyền thống của đông đảo bà con trong nước và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Để thực hiện nhiệm vụ nặng nề đó, tỉnh Phú Thọ đang tiếp tục triển khai các hạng mục nhằm bảo tồn, tôn tạo, phát huy khu di tích Đền Hùng và phụ cận nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu hành hương về Đất Tổ.

T.K.T



Tín ngưỡng tôn giáo

môi trường nảy sinh, tích hợp và bảo tồn các di sản văn hóa - nghệ thuật dân gian

GS.TS. NGÔ ĐỨC THỊNH*

1 - Từ lâu trong giới nghiên cứu vẫn hiện tồn hai vấn đề lớn: 1) Tôn giáo tín ngưỡng có phải là văn hoá hay không phải là văn hoá, và 2) Quan niệm quy mọi hình thái văn hoá-nghệ thuật đều có nguồn gốc từ tôn giáo tín ngưỡng. Hai vấn đề lớn kể trên có liên quan mật thiết với đối tượng mà chúng ta và chúng tôi đang quan tâm nghiên cứu, do vậy cũng cần phải có giới thuyết nhất định,

- Nếu chúng ta hiểu văn hoá là hệ thống các biểu tượng, từ đó quy định những ứng xử của cá nhân và toàn thể cộng đồng, tạo nên sự thống nhất của cộng đồng cũng như sự khác biệt giữa cộng đồng này với cộng đồng khác (theo quan niệm văn hoá của UNESCO), thì tôn giáo tín ngưỡng cũng chính là văn hoá và là một bộ phận của văn hoá. Do vậy, nói tín ngưỡng tôn giáo với văn hoá là nói đến mối quan hệ mang tính đặc thù giữa hai bộ phận của văn hoá chứ không phải là giữa hai thực thể hoàn toàn tách biệt nhau.

Quan niệm quy mọi hình thái văn hoá-nghệ thuật có nguồn gốc từ tôn giáo tín ngưỡng đã có từ lâu trong giới nghiên cứu. Đây là quan niệm mang màu sắc cực đoan, tuy nhiên nó không phải là không có cơ sở và chứa đựng những hạt nhân hợp lý. Với những hiểu biết hiện nay, thì nhiều hình thái

nghệ thuật thuở sơ khai của con người đều mang màu sắc tín ngưỡng nguyên thủy, nhiều thành tựu về văn hoá nghệ thuật của nhân loại từ thời bước vào lịch sử và văn minh cũng ít nhiều liên quan với tôn giáo tín ngưỡng. Văn hoá cổ đại ở Hy Lạp - La Mã, Ấn Độ, Trung Quốc, cũng như văn hoá thời Phục hưng cũng ít nhiều đều có nguồn gốc từ các tôn giáo lớn.

Sáng tạo văn hoá nghệ thuật là một hình thức sáng tạo đặc thù, nó không chỉ đòi hỏi trí tuệ mà còn phải có cảm hứng, cảm xúc đạt tới trạng thái thăng hoa. Chính ở đây, một niềm tin về một thế giới huyền ảo, siêu thực, tâm linh của tôn giáo tín ngưỡng đã tạo môi trường cho sự sáng tạo nghệ thuật này. Có thể nói, không có quan niệm về thế giới thần linh của người Hy Lạp cổ đại thì không có thần thoại Hy Lạp và không có nghệ thuật Hy Lạp đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật nhân loại. Cũng như vậy có thể nói, không có Đạo Phật thì sẽ không có nghệ thuật Phật giáo...

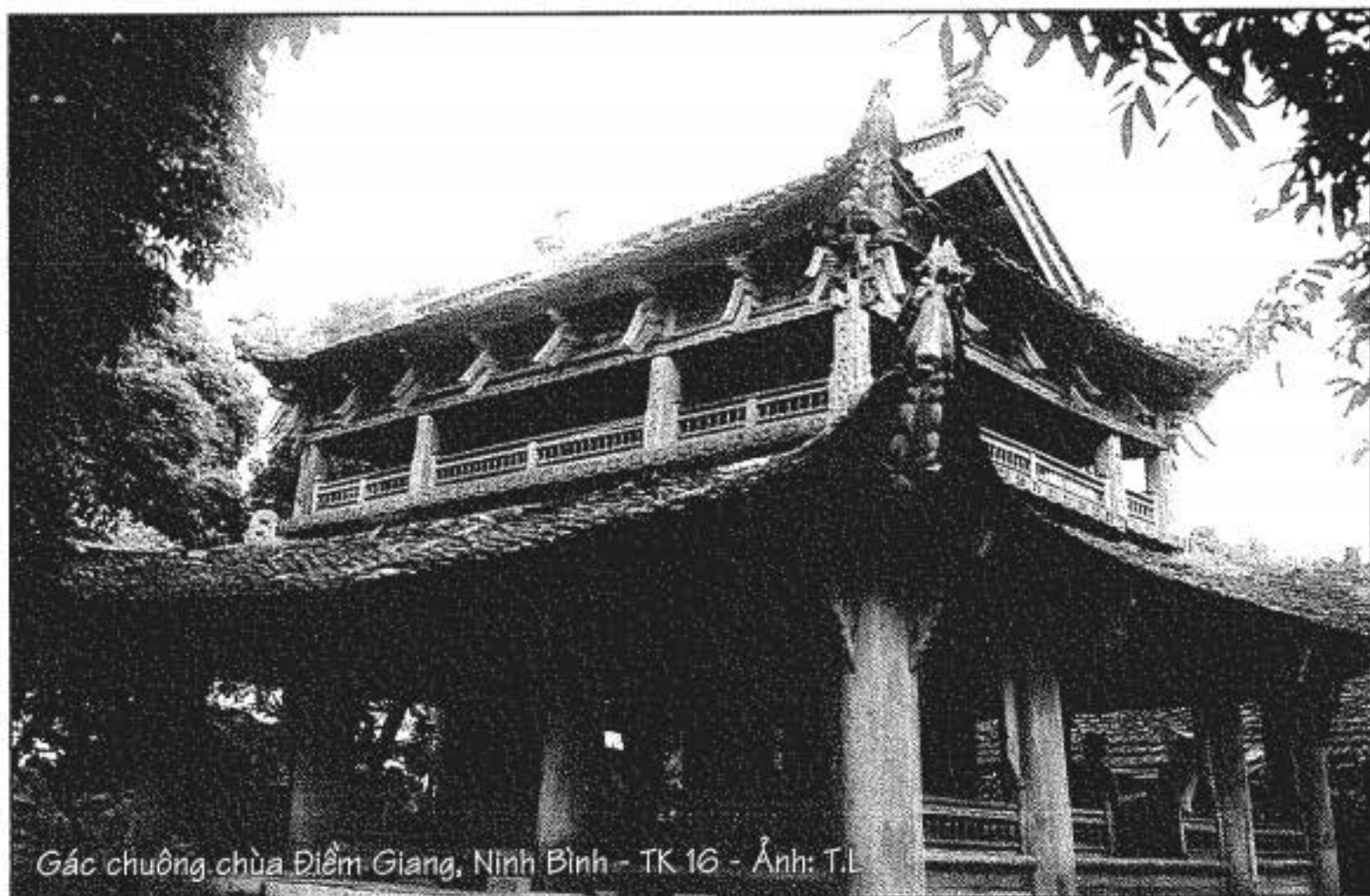
2- Tín ngưỡng-môi trường sản sinh, tích hợp và bảo tồn nhiều giá trị văn hoá dân gian.

Trong văn hoá dân gian của các tộc người ở nước ta đã và đang tồn tại những

* VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

Về một khía cạnh tinh thần liên quan tới di sản văn hóa cổ truyền

TÚ VÂN *



Gác chuông chùa Diêm Giang, Ninh Bình - TK 16 - Ảnh: T.L

Tở cuộc "hành hương", ngược dòng lịch sử để đi tìm chính mình, tìm về một bản sắc trường tồn, nhằm vững bước hướng tới tương lai. Thực tế đó đã bắt buộc chúng ta phải "hoà" vào nhịp thở của quá khứ. Trên con đường có vẻ ngược mà thực ra là xuôi chiều đẩy chông gai ấy, có một "con đường tơ lụa" - một lối mòn tâm tưởng, luôn xô đẩy người ta nhập vào "bầu trời" tôn giáo tín ngưỡng. Đó là một không gian vừa cụ thể vừa mênh mông vô bờ bến, mà, nếu không hoà vào "môi trường" ấy, thì ở một khía cạnh nào đó khó có thể hiểu được dòng chảy tâm tưởng Việt Nam.

* VIỆN BẢO TỒN DI TÍCH

L.Cadièxe (người Pháp), khi nghiên cứu về tôn giáo tín ngưỡng của người Việt đã cảm thấy như bất lực trước hiện tượng nhiều chiều hướng của tư duy dân gian Việt, khiến ông bị "bồng bềnh trong ảo giác" như lạc vào một "rừng rậm nhiệt đới" không tìm thấy lối ra, cũng như không có nút khởi đầu. Song, từ mấy chục năm cuối thế kỷ XX tới nay, hệ thống tổ chức nghiên cứu của chúng ta khá phát triển. Chúng ta đã có thể định ra được tinh thần cốt lõi của tôn giáo tín ngưỡng Việt, ít nhất là, trước đây người Việt lấy tinh thần "tự kỷ trung tâm" làm cốt lõi cho mọi ứng xử, kể cả với thần/thánh. Vì thế, dù cho ở đất Việt có rất nhiều loại hình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, nhưng nét chung chủ

VAI TRÒ CỦA

văn hóa phi vật thể

Trong di tích lịch sử, văn hóa

TH. & PHẠM HÙNG THOAN*

Nói đến di tích lịch sử - văn hoá (DTLSVH) và các giá trị của nó, người ta thường đề cao các phương diện lịch sử, văn hoá và khoa học của bản thân công trình kiến trúc, công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó, bởi sự gắn bó của chúng với các sự kiện lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước, với thân thể và sự nghiệp của các anh hùng dân tộc và danh nhân, hoặc chúng là bằng chứng sống động cho trình độ xây dựng, kiến trúc, nghệ thuật của dân tộc trong quá khứ. Cách thẩm định giá trị như thế rất đúng, nhưng chưa đầy đủ.

DTLSVH có nhiều loại, trong đó không ít đình làng, đền thờ, chùa miếu (nghè) nhà thờ đã được xếp hạng là DTLSVH quốc gia, hoặc DTLSVH cấp tỉnh. Trong quá khứ, so với các công trình dân dụng khác, đây là những tác phẩm kiến trúc bề thế, vượt trội, có sức cuốn hút thị giác và có năng lực kích lệ cảm thức của con người. Chúng được các triều đại, các cộng đồng xây dựng và đầu tư nhiều công của, trí lực để tạo ra các kiểu dáng, quần thể kiến trúc, các hoạ tiết trang trí, điêu khắc, sự xếp đặt nội thất,... khiến mỗi công trình xây dựng trở thành một kiệt tác, hội tụ những tài năng, trí tuệ và tiềm lực kinh tế của quốc gia, hoặc các cộng đồng làng xã. Bên cạnh các giá trị hàm chứa trong những sáng tạo vật thể, con người còn gửi

gắm rất nhiều ý niệm (như tứ quý, tứ linh, tam thế, các biểu tượng quyền lực...), những cái đẹp lý tưởng, khát vọng phồn thực,... Nghĩa là, bên cạnh các giá trị lịch sử, khoa học, văn hoá vật thể, trong các DTLSVH còn có những giá trị tinh thần, mà qua đó ta có thể nhận biết thế giới quan, nhân sinh quan của chủ thể sáng tạo. Đây là khía cạnh đã được nhiều nhà nghiên cứu DTLSVH bàn đến, và cho rằng ở các tác phẩm văn hoá vật thể thuộc loại này, sự tách biệt giữa văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể chỉ là ước định tương đối. Đó là nhận thức đúng đắn và không cần trao đổi gì thêm. Song, vấn đề chúng tôi muốn đề cập ở đây không phải là mối quan hệ giữa các giá trị văn hoá, khoa học và các giá trị tinh thần tồn tại song song trong những tác phẩm văn hoá vật thể, mà là quan hệ văn hoá giữa công trình xây dựng, quần thể kiến trúc, được gọi là đình, chùa, miếu, nghè, đền, tháp, đã được xếp hạng là DTLSVH, với các kiểu dạng hoạt động văn hoá, do các cá nhân hoặc cộng đồng làng, cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo tiến hành, có liên quan đến các loại DTLSVH nói trên.

Rõ ràng là không đầy đủ, nếu quan niệm đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ, là những danh từ chỉ riêng các công trình xây dựng, quần thể kiến trúc và đất đai, cảnh quan gắn liền với

Văn hóa phi vật thể trong chùa Việt Đế Thích và Phạm thiên

GS. CAO XUÂN PHỔ

Như đã có dịp được trình bày trên tập san này, các pho tượng trong thần điện Phật giáo ở chùa Việt là cách biểu tượng hoá cái phi vật thể trong tâm thức con người, như đã được tìm hiểu qua tượng Quan Âm Bồ Tát và toà Cửu Long. Ở đây xin bàn đến một số pho tượng khác trong chùa Việt trong việc tìm hiểu thêm sự dung hợp của Phật-Đạo-Bà la môn trong chùa Việt. Đó là các pho Đế Thích và Phạm Thiên.

Đế Thích:

Đế Thích còn được gọi là Đế Thích Thiên, nguyên gốc dịch từ Thích Ca (Chakra) Đế Hoàn (Deva), Nhân Đà La (Indra), là vị Thiên Vương cai quản cõi trời thứ hai (cõi Đạo Lợi) ở trên núi Tu Di nằm trong Dục giới (1). Đế Thích là sự Phật hoá tên thần Indra của người Ariăng thời Rig Veda (thiên niên kỷ thứ hai trước công nguyên), được coi là thần Mưa, thần Sấm Sét. Thời bấy giờ, ở vùng Punjab (Ngũ Hà) miền Tây - Bắc Ấn Độ, người Ariăng cổ đại phải chịu nạn hạn hán kinh khủng giữa bầu trời nóng nực của những ngày tháng 4, 5, 6. Họ cầu thần Indra đem mưa đến cho cây cỏ tốt tươi, súc vật béo tốt, người người mát mẻ sướng vui. Indra là thần chủ của các thần trên thế giới, gắn liền với Gió-Mưa, Sấm sét-Bão.

Trên thần điện Phật giáo ở các chùa Việt thường thấy Đế Thích được thể hiện ngồi trên ngai báu đội mũ bình thiên, cùng với Phạm Thiên, làm hộ pháp thiên thần bên toà Cửu Long. Đó là phong cách và tư thế của một vị đế vương, dù là vua trời (Đế Thiên), song đã thần phục Phật (2). Có thể hiểu được chẳng đây là sự biểu tượng hoá cái tâm ước của con người trần thế mong có được nước trời mưa xuống tắm cho ruộng đồng xanh mát, cho mùa màng

tốt tươi (như người cổ đại Ariăng đã từng mong ước). Đế Thiên - Thần Mưa - Thần Sấm Sét - đã thuận thiên mệnh, theo tâm Phật mà sai phái 9 Thiên Long (rồng là biểu tượng của nước) xuống trần vừa hoan hỉ sự ra đời của một Đấng Thế tôn cứu nhân độ thế vừa đem mưa xuống cho trần gian. Và, hẳn là cũng có thể nghĩ, đó là tính phi vật thể được biểu tượng hoá trong bộ Cửu Long, bao gồm cả Đế Thích-Chín Long Vương-Thích Ca sơ sinh.

Trong một số chùa, Đế Thích còn được phò tá bởi Tứ Thiên Vương (ví như chùa Mía - Hà Tây) ở cõi trời Tứ Thiên Vương thiên là cõi trời thấp nhất (cõi 1) trong Dục giới. ở Trung Quốc, Tứ Thiên Vương được gọi là Tứ Đại Kim Cang (do ảnh hưởng của Phong Thần Diễn Nghĩa) với chức phận là phong, điều, vũ, thuận (3).

Vị Đế Thích này đã được Đạo giáo chuyển hoá thành Ngọc Hoàng Thượng Đế vào trong các Đạo quán hoặc chùa kết hợp với quán. Thường tọa trên ngai hay trên bục, một mình hoặc có Tứ Thiên Vương (Tứ trấn) phò tá (4).

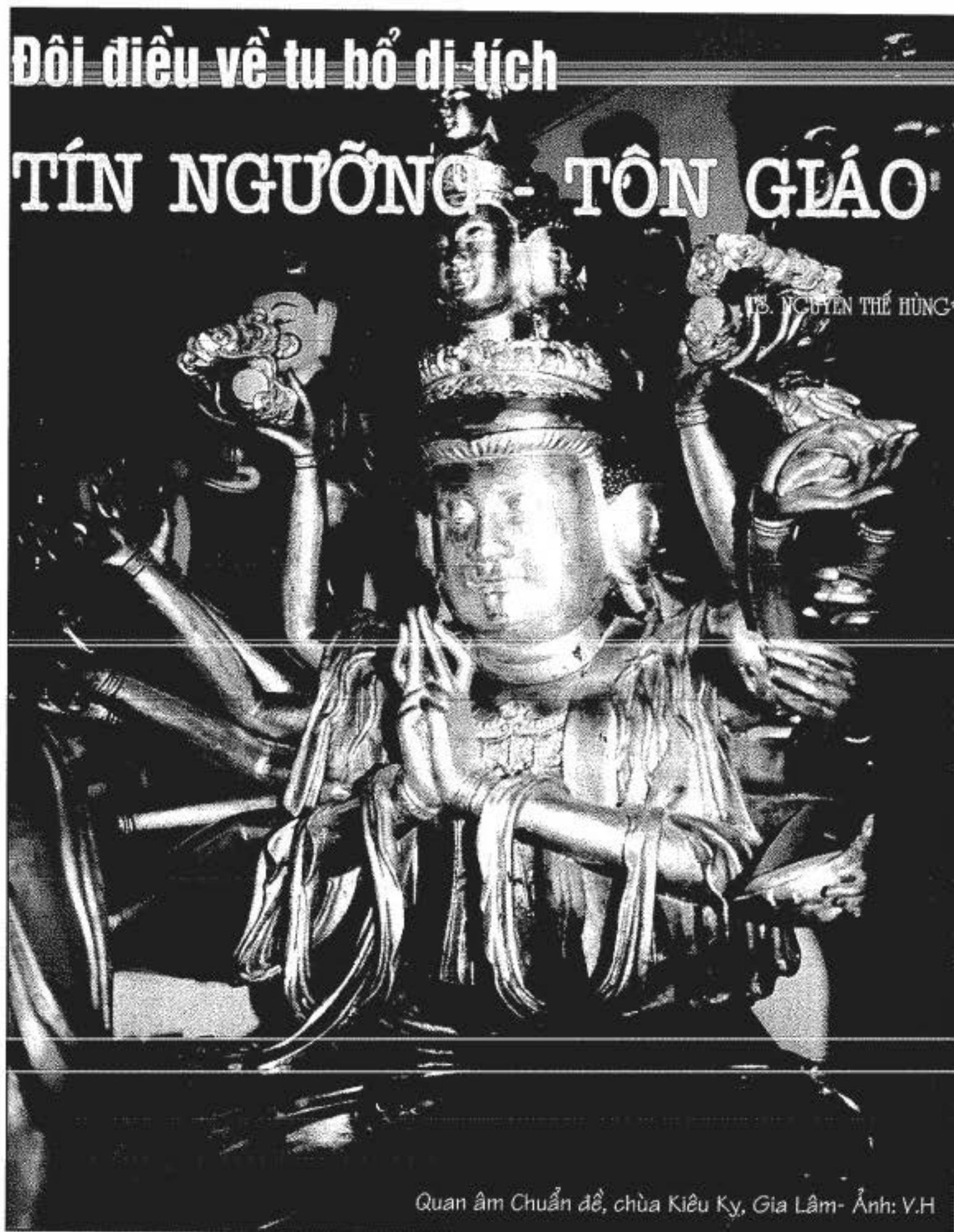
Phạm Thiên:

Phạm Thiên cũng gọi là Đại Phạm Thiên Vương là vị Thiên vương chủ quản cõi trời Sơ Thiên thiên trong Sắc giới (5). Biểu hiện của Phạm Thiên là hoa sen. Ngài có khuyến đức Thích Ca đi truyền đạo cứu đời. Trong những dịp đưa và rước Phật Thích Ca một cách long trọng, như lúc Phật từ cảnh tiên Đạo Ly mà trở về cõi người, thì Phạm Thiên Vương và Đế Thích thường theo chầu Phật. Đế Thích cầm bạch phát đuổi ruồi cho Phật, Phạm Thiên Vương cầm bảo cái che cho Phật (theo Đoàn Trung Còn, sđd, mục từ Phạm Thiên Vương).

Phạm Thiên là biến thân của thần Brahma Ấn Độ giáo. Brahma trong thần thoại Ấn Độ là

Đôi điều về tu bổ di tích TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO

TS. NGUYỄN THẾ HÙNG*



Quan âm Chuẩn đề, chùa Kiều Ky, Gia Lâm- Ảnh: V.H

Căn cứ quy định của Luật di sản văn hóa, việc xếp hạng di tích hiện nay được chia theo bốn loại hình: di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân), di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh. Trong cả bốn loại hình trên đều có sự hiện diện của các công trình tín ngưỡng - tôn giáo. Các công trình tín ngưỡng -

tôn giáo ở đây bao gồm đình, đền, chùa, miếu, phủ, nghè, nhà thờ,... chiếm số lượng rất lớn trong số các di tích đã được xếp hạng.

Trong những năm qua, nhân dân có vai trò to lớn đối với việc bảo vệ các di tích tín ngưỡng - tôn giáo. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước, nhân dân các nơi, ở trong và ngoài nước,

* TRƯỞNG PHÒNG QLDT - CỤC DI SẢN VĂN HÓA

VỊ THẾ CỦA ĐÌNH LÀNG TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

TĂNG BÁ HOÀNH

Thiết chế văn hoá của người Việt (Kinh) được hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, trở thành kỷ cương, linh hồn và ngưỡng vọng của mỗi người dân. Một cơ sở vật chất của thiết chế văn hoá đó có đình làng là rất quan trọng, nó là ngôi nhà chung của cư dân mỗi làng xã người Việt, tương tự như nhà rông của đồng bào Tây Nguyên, hay nhà gươl của người Cà Tu (miền núi Trung bộ)...

Thông thường một tộc người, một đơn vị dân cư, một đơn vị hành chính cơ sở đều có một ngôi nhà chung để giải quyết những vấn đề luật tục, luật pháp, tín ngưỡng, tôn giáo và những nhu cầu văn hoá của cộng đồng. Buổi đầu có thể là ngôi nhà của thủ lĩnh, của tộc trưởng. Khi tín ngưỡng phát triển, luật pháp được đề cao, thì cơ sở vật chất của cộng đồng cư dân theo đơn vị hành chính thấp nhất (làng, bản, buôn, sóc...) dần tách khỏi sự ràng buộc của những cá nhân, để ngôi nhà chung hình thành. Đối với người Kinh đó là đình làng. Có thể nói, trong lịch sử, nơi nào có người Việt tụ cư thành làng xã, phổ phường là ở đó có đình làng. Những thợ thủ công lên Thăng Long làm ăn đã xây đình tại phố, thờ vọng Thành hoàng làng, như thợ đóng giầy của Tam Lâm (Gia tộc), thợ nhuộm Đan Loan, thợ Vàng bạc Châu Khê (Bình Giang)...

Làng, trước Cách mạng, trong văn bản pháp quy gọi là xã (), đơn vị hành chính cơ sở. Dưới làng còn có thôn, xóm, trại ấp... Đây là những đơn vị dân cư phụ thuộc, không có tổ chức hành chính riêng. Sau Cách mạng tháng Tám. Nhà nước tổ chức lại đơn vị hành chính cơ sở, thực hiện liên xã, nghĩa là gộp nhiều làng cũ

thành một xã mới, trong đó có một số xã cũ khá lớn được giữ nguyên, không phải hợp nhất, hoặc được chia tách trong Cải cách ruộng đất. Trường hợp này không nhiều. Phần lớn xã hiện nay gồm 2-3 làng xã cũ hợp lại.

Thông lệ, mỗi làng xưa có một đình, những làng lớn hoặc giàu có do nhiều lý do riêng mà có tới 2-3 đình. Làng Bồ Dương, Ninh Giang có hai đình lớn, gọi là đình Đông và đình Tây ở cùng một khuôn viên, nhưng cùng thờ một Thành Hoàng. Mỗi xã hiện nay có thể có từ 2-3 đình đã khá nhiều. Song qua chiến tranh mà phần lớn chỉ còn dưới dạng phế tích hoặc mới khôi phục trong những năm gần đây.

Theo quốc sử thì đình được ghi nhận muộn hơn so với đền, miếu, chùa, quán. Năm Tân Mão, Kiến Trung thứ 7 (1231) "Thượng hoàng (Trần Thái Tông) xuống chiếu rằng, trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó..." (Đại Việt sử ký toàn thư). Như vậy đình ban đầu là đình trạm, nơi dừng chân của những người đi đường (thượng chí vua, hạ chí dân). Đình có thời mang chức năng như một ngôi chùa, đôi khi như một hành cung của nhà vua. Có lẽ vì thế mà hậu cung các đình sau này thường có bức đại tự: Thánh cung vạn tuế - Thánh thể muôn năm (Chữ cung - ở đây có nghĩa là thân thể). Một dạng đình khác còn có nghĩa là nơi dừng chân để ngắm cảnh như: Vọng giang đình, lương đình. Ở Côn Sơn xưa có Đình Thấu Ngọc, một

